

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI



BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

Hà Nội, năm 2021

MỤC LỤC

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH	1
1.1. Giới thiệu chương trình	1
1.2. Thông tin chung về chương trình.....	1
1.3. Triết lý đào tạo	2
1.4. Mục tiêu đào tạo	2
1.4.1. Mục tiêu chung:.....	2
1.4.2. Mục tiêu cụ thể:.....	3
1.5. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh.....	3
1.6. Hình thức đào tạo:Đào tạo theo hệ thống tín chỉ.....	3
1.7. Phương pháp giảng dạy, học tập và đánh giá	3
1.8.Điều kiện tốt nghiệp.....	4
1.9.Cơ hội việc làm và khả năng học tập nâng cao trình độ sau tốt nghiệp	4
PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH	5
2.1. Kiến thức	5
2.2. Kỹ năng.....	6
2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm	7
2.4. Ma trận đáp ứng mục tiêu đào tạo của chuẩn đầu ra.....	7
PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH	9
3.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình	9
3.2. Ma trận đáp ứng chuẩn đầu ra của các khối kiến thức	9
3.3. Khung chương trình.....	11
3.4. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần để đạt được Chuẩn đầu ra ..	48
3.5. Kế hoạch học tập dự kiến phân bố theo học kỳ	54
3.6. Mô tả nội dung và khối lượng các học phần	57
3.7. Thông tin về các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình.....	71
3.8. Hướng dẫn thực hiện chương trình	93
3.9. Chương trình trong và ngoài nước đã tham khảo để xây dựng chương trình	93

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH

1.1. Giới thiệu chương trình

Chương trình đào tạo đại học ngành Quản lý đất đai đào tạo cử nhân Quản lý đất đai. Đây là chương trình đào tạo chính quy được trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội (Bộ Tài nguyên và Môi trường) đưa vào đào tạo từ năm 2011. Đến nay đã đào tạo được khoảng 2.000 cử nhân, kỹ sư Quản lý đất đai tốt nghiệp ra trường. Các sinh viên đại học ngành Quản lý đất đai tại trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội sau khi ra trường được các nhà tuyển dụng đánh giá cao về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm; đáp ứng được các yêu cầu công việc của xã hội. Chương trình đào tạo đại học ngành Quản lý đất đai đã được Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục- Đại học Quốc gia Hà Nội cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 27 tháng 3 năm 2020 khẳng định chất lượng đào tạo của nhà trường với xã hội

1.2. Thông tin chung về chương trình

- Tên chương trình:

- Tiếng Việt: **Quản lý đất đai**
- Tiếng Anh: **Land Administration**

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Chuyên ngành đào tạo: Quản lý đất đai

- Mã số: 7850103

- Thời gian đào tạo: 4 năm

- Loại hình đào tạo: Chính quy

- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

- Cử nhân Quản lý đất đai

- Thời gian ban hành chương trình: 2010

- Thời gian rà soát, sửa đổi chương trình gần nhất: 2021

- Kiểm định chương trình: Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành do Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục- Đại học Quốc gia Hà Nội cấp ngày 27 tháng 3 năm 2020.

1.3. Triết lý đào tạo

“Quản lý đất đai hiện đại: Tương lai của Bạn - Sứ mạng của chúng tôi!”

Đơn vị thực hiện chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản lý đất đai là Khoa Quản lý đất đai. Đây là khoa đầu ngành trong đào tạo và nghiên cứu khoa học về lĩnh vực quản lý đất đai, địa chính, bất động sản trong cả nước, phần đầu là khoa trọng điểm trong lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về quản lý đất đai, địa chính, bất động sản theo định hướng ứng dụng, đào tạo theo hướng chuẩn quốc tế.

- Phát triển chương trình đào tạo các ngành theo định hướng ứng dụng, trang bị kiến thức nền tảng vững chắc, đồng thời chú trọng phát triển năng lực thực hành nghề nghiệp và khả năng thích ứng với môi trường làm việc hiện đại. Đổi mới mạnh mẽ phương thức tổ chức đào tạo, ứng dụng những công nghệ giáo dục mới, thúc đẩy quá trình tự học qua nghiên cứu, sáng tạo và trải nghiệm.

- Phát triển hài hòa và gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu ứng dụng và triển khai; gắn kết nghiên cứu với đào tạo, thúc đẩy chuyển giao tri thức và thương mại hóa sản phẩm; chú trọng đồng thời nâng cao thành tích và phát triển tiềm lực nghiên cứu.

- Phát triển theo định hướng hội nhập với khu vực và quốc tế, tiếp thu chọn lọc những mô hình và kinh nghiệm thành công của các trường đại học đầu ngành trong và ngoài nước về quản lý đất đai, quản lý và kinh doanh bất động sản. Đào tạo ra sản phẩm có khả năng cạnh tranh, nâng cao trách nhiệm xã hội, coi người học là chủ thể, trung tâm của mọi hoạt động đào tạo.

- Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo về quản lý đất đai, quản lý và kinh doanh bất động sản tại Việt Nam và trên thế giới;

- Thực hiện tốt các trách nhiệm xã hội và phục vụ cộng đồng trong lĩnh vực đất đai, quản lý và kinh doanh bất động sản và ngành tài nguyên và môi trường.

1.4. Mục tiêu đào tạo

1.4.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo đại học ngành quản lý đất đai đào tạo cử nhân Quản lý đất đai có kiến thức cơ sở, chuyên môn và kỹ năng thực hành, có đủ năng lực và trình độ để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn về quản lý đất đai; có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật và trách nhiệm công dân; có thái độ lao động nghiêm túc

và đạo đức nghề nghiệp; có sức khỏe; có khả năng hợp tác và quản lý nguồn lực; khả năng thích ứng với công việc đa dạng ở các cơ quan khoa học, quản lý sản xuất, doanh nghiệp hoặc tự tạo lập công việc trong dịch vụ về đất đai; có khả năng tự học, tự nghiên cứu để tự nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và cách mạng khoa học công nghệ.

1.4.2. Mục tiêu cụ thể:

a) Có kiến thức về quản lý tài nguyên đất đai, kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin; sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề trong quản lý đất đai.

b) Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể đọc hiểu và giao tiếp được các chủ đề chính trong công việc ngành quản lý đất đai; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống trong quản lý đất đai thường gặp; có kỹ năng lập kế hoạch, lập các văn bản hành chính, trình bày ý kiến liên quan đến công tác quản lý đất đai.

c) Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, yêu nghề, có trách nhiệm trong công việc; có khả năng tìm việc làm, có sức khỏe phục vụ sự nghiệp xây dựng đất nước.

d) Có khả năng học tập lên trình độ cao hơn

1.5. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương), đạt điểm chuẩn tuyển sinh theo quy định của Nhà trường.

- Tiêu chí tuyển sinh: Theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo; của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội theo từng năm.

1.6. Hình thức đào tạo:Đào tạo theo hệ thống tín chỉ

1.7. Phương pháp giảng dạy, học tập và đánh giá

- Các phương pháp giảng dạy và học tập bao gồm phương pháp chủ yếu sau đây: Thuyết trình, làm việc nhóm, thảo luận, trình bày báo cáo, phát vấn, làm tiểu luận, bài tập lớn, tình huống, thực tập, tự học có hướng dẫn...

- Phương pháp đánh giá được thực hiện theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định hiện hành của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

1.8.Điều kiện tốt nghiệp

Được thực hiện theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định hiện hành của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

1.9.Cơ hội việc làm và khả năng học tập nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

- Cán bộ làm công tác quản lý Nhà nước về quản lý đất đai tại các cơ quan Trung ương (Cục, Vụ, Thanh tra, văn phòng . v..v).

- Chuyên viên làm việc tại các cơ quan quản lý Nhà nước các cấp về đất đai (Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Văn phòng đăng ký đất đai cấp tỉnh; Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện; cán bộ tài nguyên môi trường cấp xã. Các đơn vị sự nghiệp thuộc các cơ quan Nhà nước về lĩnh vực đất đai;

- Nghiên cứu viên tại các Viện nghiên cứu về lĩnh vực đất đai;

- Giảng viên trong các Học viện, trường Đại học, Cao đẳng có nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực ngành Quản lý đất đai.

- Cán bộ bộ phận hành chính một cửa xử lý hồ sơ lĩnh vực quản lý đất đai (cấp tỉnh,huyện, xã);

- Kỹ thuật viên làm việc tại các công ty, các tổ chức tư vấn hoạt động trong các lĩnh vực Quản lý đất đai gồm: xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai; đánh giá đất; định giá đất; phân tích và kiểm soát số lượng và chất lượng đất; xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường; đo đạc lập bản đồ các loại; các công ty môi giới kinh doanh bất động sản; các công ty xây dựng, giao thông, thủy lợi; các tổ chức tài chính tín dụng...

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Kiến thức

** Kiến thức chung:*

2.1.1. Hiểu và vận dụng được những vấn đề cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và công tác An ninh - Quốc phòng.

2.1.2. Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học tự nhiên, xã hội và phương pháp nghiên cứu khoa học phù hợp với ngành đào tạo, làm nền tảng để học tập các môn cơ sở ngành và chuyên ngành; hiểu và vận dụng các kiến thức cơ bản về tiếng Anh tương đương trình độ 3/6 (theo Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học và Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 1 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam); ứng dụng kiến thức cơ bản về máy tính, các phần mềm văn phòng và các phần mềm đáp ứng yêu cầu tiếp thu kiến thức chuyên môn (theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin).

** Kiến thức chuyên môn:*

2.1.3. Áp dụng các kiến thức, phương pháp khoa học để phân tích và đánh giá được hiện trạng tài nguyên môi trường nói chung, tài nguyên đất đai, đánh giá chất lượng đất đai, tiềm năng đất đai, phân hạng đất nông nghiệp, đánh giá thoái hoá đất, ô nhiễm đất phục vụ quản lý và sử dụng đất hiệu quả, bền vững, ứng phó với biến đổi khí hậu.

2.1.4. Hiểu và áp dụng được các kiến thức về công nghệ thông tin và kỹ thuật, chuyển đổi số trong công tác quản lý đất đai như đo đạc địa chính, bản đồ địa chính, xây dựng hệ thống thông tin địa lý và đất đai.

2.1.5. Hiểu và áp dụng được các kiến thức trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai, kiến thức tiếng Anh chuyên ngành để tổ chức thực hiện các nghiệp vụ chuyên ngành về quản lý đất đai, bao gồm: Tổ chức xây dựng và thực hiện quy hoạch sử dụng đất; giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thông kê, kiểm kê đất đai; quản lý và kinh doanh bất động sản, tài chính đất, thanh tra đất đai, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến đất đai; đánh giá đất; định giá đất và từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác

quản lý nhà nước về đất đai trong thực tiễn.

2.1.6. Áp dụng và phân tích được các kiến thức tổng hợp (pháp luật, quy hoạch, kinh tế, công nghệ) đã học để quản lý và tổ chức thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai.

2.2. Kỹ năng

** Kỹ năng chung:*

2.2.1. Đạt chuẩn bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Tương đương bậc B1 theo khung tham chiếu chung Châu Âu), do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép. Ngoài ra sinh viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ khi đạt một trong các chứng chỉ tương đương từ B1 trở lên theo bảng quy đổi sau:

Khung tham chiếu CEFR	IELTS	TOEIC	TOEFL ITP	TOEFL CBT	TOEFL IBT	Cambridge Tests	Chuẩn Việt Nam
B1	4.5	450	450	133	45	PET	3

2.2.2. Đạt chuẩn Kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, quy định về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép.

** Kỹ năng chuyên môn:*

2.2.3. Vận dụng được các văn bản quy phạm pháp luật và chính sách pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý đất đai, trong bộ máy quản lý đất đai từ trung ương tới các cấp cơ sở.

2.2.4. Vận dụng được việc tìm kiếm và tổng hợp thông tin, giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác quản lý nhà nước về đất đai một cách khoa học, hiệu quả.

2.2.5. Vận dụng được kiến thức trong điều tra đánh giá chất lượng đất, thoái hóa đất, phân hạng đất nông nghiệp, đánh giá ô nhiễm đất; đánh giá tác động môi trường; lập và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

2.2.6. Sử dụng thành thạo các phương tiện kỹ thuật hiện đại trong lĩnh vực quản lý đất đai như các loại máy trắc địa để đo đạc, lập bản đồ địa chính và các loại bản đồ chuyên đề, các phần mềm ứng dụng trong chuyên ngành về xây dựng bản đồ, cơ sở dữ liệu đất đai như Vilis 2.0; Famis; Microstation...

2.2.7. Thành thạo việc lập và cập nhật hồ sơ địa chính, hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu và biến động đất đai, hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; xác định được giá đất, và các nghĩa vụ tài chính liên quan đến đất đai.

2.2.8. Có kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm; giải quyết các vấn đề nảy sinh trong công việc hoặc phối hợp với đồng nghiệp, hợp tác và hỗ trợ nhau để đạt đến mục tiêu đã đặt ra.

2.2.9. Có kỹ năng giao tiếp trong cộng đồng, truyền đạt thông tin, đàm phán, diễn thuyết, trình bày, phản biện, tư duy logic; kỹ năng soạn thảo các loại văn bản hành chính, hợp đồng liên quan đến quản lý đất đai.

2.2.10. Có kỹ năng tìm việc làm; tìm kiếm thông tin về việc làm, chuẩn bị hồ sơ xin việc và trả lời phỏng vấn nhà tuyển dụng.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

2.3.1. Có thái độ cầu thị, cởi mở, có năng lực dẫn dắt, phát huy trí tuệ tập thể, đưa ra được kết luận về chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác quản lý đất đai.

2.3.2. Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

2.3.3. Có phẩm chất đạo đức, niềm tin vào Đảng và Nhà nước. Có sự tích cực và chủ động học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về quản lý đất đai.

2.4. Ma trận đáp ứng mục tiêu đào tạo của chuẩn đầu ra

CHUẨN ĐẦU RA		MỤC TIÊU ĐÀO TẠO			
		a	b	c	d
Kiến thức	2.1.1			x	
	2.1.2	x		x	x
	2.1.3	x		x	x
	2.1.4	x		x	x
	2.1.5	x		x	x

CHUẨN ĐẦU RA		MỤC TIÊU ĐÀO TẠO			
		a	b	c	d
	2.1.6	x		x	x
Kỹ năng	2.2.1		x	x	
	2.2.2			x	
	2.2.3	x	x	x	x
	2.2.4	x	x	x	x
	2.2.5	x	x	x	x
	2.2.6	x	x	x	x
	2.2.7	x	x	x	x
	2.2.8	x	x	x	
	2.2.9	x	x	x	
	2.2.10	x	x	x	
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	2.3.1			x	
	2.3.2			x	
	2.3.3			x	

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

3.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình

Tổng số tín chỉ (TC) phải tích lũy	133	Tỉ trọng (%)
Trong đó:		
Khối kiến thức Giáo dục đại cương (<i>Không tính các môn học GDTC, GDQP-AN</i>)	35	26,3
Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	98	73,7
Kiến thức cơ sở ngành	15	11,3
Kiến thức ngành	52	39,1
+ <i>Bắt buộc:</i>	(38)	(28,6)
+ <i>Tự chọn:</i>	(14)	(10,5)
Kiến thức chuyên ngành	19	14,3
+ <i>Tự chọn:</i>	(19)	(14,3)
Kiến thức thực tập và khoá luận tốt nghiệp	12	9,0

3.2. Ma trận đáp ứng chuẩn đầu ra của các khối kiến thức

KHỐI KIẾN THỨC	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT																		
	Kiến thức						Kỹ năng										Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.2.8	2.2.9	2.2.10	2.3.1	2.3.2	2.3.3
- Kiến thức giáo dục đại cương	3	3	2	-	-	-	3	-	-	2	-	-	3	3	-	-	2		2
- Kiến thức cơ sở ngành	-	2	2	3	-	-	-	-	-	2	-	3	-	-	-	-	2	3	3
- Kiến thức ngành	-	1	3	2	3	3	1	2	3	3	3	3	2	1	1	-			
- Kiến thức chuyên ngành	-	1	2	2	3	3	1	3	3	3	3	2	3	2	2	-	2	3	2
- Kiến thức thực tập	-	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	-	-	-	-	-	3	3	-
- Các môn thay thế khóa luận tốt nghiệp	-	3	3	3	3	-	-	-	3	3	-	3	-	3	-	-	2	-	2

Mức đóng góp: nhiều (3); trung bình (2); ít (1); không (-).

3.3. Khung chương trình

Ký hiệu: - LT : Lý thuyết;

- TH, TT: Bài tập, thảo luận, thực hành, thực tập.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH TT	Tự học	
I	Khối kiến thức giáo dục đại cương		35					
I.1	Các học phần chung		19					
1	LCML101	Triết học Mác - Lênin	3	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về triết học Mác-Lênin bao gồm chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử và ý nghĩa phương pháp luận của những kiến thức triết học đối với thực tiễn.	30	15	90	
2	LCML102	Kinh tế Chính trị Mác – Lê nin	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên được trang bị những tri thức cơ bản về nền kinh tế hàng hóa, nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay. Trên cơ sở đó, giúp người học củng cố phương pháp học tập, nghiên cứu, nhận diện đúng mối quan hệ xã hội của sản xuất và trao đổi, hiểu được	20	10	60	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH TT	Tự học	
				ý nghĩa của việc học tập kinh tế chính trị trong hoạt động thực tiễn hiện nay.				
3	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên được trang bị những nội dung cơ bản về: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội giai cấp và liên minh giai cấp, vấn đề dân tộc, tôn giáo và gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	20	10	60	
4	LCTT101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh, giúp sinh viên nhận thức sâu sắc giá trị khoa học của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Qua đó, sinh viên có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, tích cực học tập, tu dưỡng, rèn luyện đạo đức để góp phần	21	09	60	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH TT	Tự học	
				xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.				
5	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ	21	09	60	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH TT	Tự học	
				quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.				
6	NNTA101	Tiếng Anh 1	3	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều chủ điểm chung: công việc hàng ngày, thói quen, sở thích, du lịch, đất nước, con người... Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết thông qua các tình huống thường gặp trong cuộc sống hàng ngày như: giới thiệu bản thân, giải quyết những vấn đề thường gặp khi giao tiếp trên điện thoại và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội.	12	33	90	
7	NNTA102	Tiếng Anh 2	3	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, so sánh của tính từ - trạng từ, động từ khuyết	12	33	90	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH TT	Tự học	
				thiếu... và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều chủ điểm như: nghề nghiệp, lễ hội, du lịch... ở mức độ tiên trung cấp. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết mức độ tiên trung cấp thông qua các tình huống thường gặp trong cuộc sống hàng ngày như: gọi điện thoại, thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội.				
8	NNTA103	Tiếng Anh 3	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh như thì quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, thể bị động của quá khứ đơn, hiện tại đơn, hiện tại hoàn thành tiếp diễn với các từ xác định và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều điểm chung: hiện tại và quá khứ, sức khỏe, các bệnh thường gặp, các vật dụng hàng ngày, tiền tệ. Người học có	08	22	60	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH TT	Tự học	
				<p>co hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết thông qua các tình huống thường gặp trong cuộc sống như: cuộc sống hiện tại và quá khứ, thực hành những đoạn hội thoại liên quan về sức khỏe và tai nạn, tìm hiểu về các thương hiệu nổi tiếng trên thế giới, tìm hiểu kỹ hơn về các vận dụng hàng ngày cần thiết khi mang đi du lịch.</p>				
9		<i>Giáo dục thể chất</i>	4	<p>Bao gồm phần bắt buộc và phần tự chọn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần bắt buộc: Thể dục, điền kinh 1 và điền kinh 2. - Phần tự chọn SV chọn một trong các môn học sau: Bóng chuyền, Cầu lông, Bơi lội, Bóng rổ, Bóng đá, Đá cầu, Thể dục Aerobic. 				
10		<i>Giáo dục quốc phòng-an ninh</i>	9	<p>Bao gồm 4 học phần: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam, Công tác quốc phòng - an ninh; Quân sự chung, Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật.</p>				
1.2	<i>Các học phần bắt buộc của trường</i>		8					

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH TT	Tự học	
11	LCPL101	Pháp luật đại cương	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật. Nội dung của học phần bao gồm những vấn đề cơ bản nhất, chung nhất về nhà nước và pháp luật; những nội dung về các ngành luật cơ bản và Pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Sau khi kết thúc học phần, người học iết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những tình huống trong thực tế.	20	10	60	
12	CTKU101	Tin học đại cương	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về tin học và công nghệ thông tin như: khái niệm thông tin và cách biểu diễn thông tin trong máy tính, cấu trúc và hoạt động của hệ thống máy tính, mạng máy tính, Internet, ứng dụng của công nghệ thông tin; sinh viên hiểu khái niệm hệ điều hành, làm quen với một số hệ điều hành thông dụng và biết	19	11	60	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH TT	Tự học	
				cách giao tiếp với hệ điều hành Windows; biết sử dụng các phần mềm ứng dụng văn phòng: MS Word, MS Excel và MS Powerpoint.				
13	QĐQB101	Kỹ năng mềm	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những kỹ năng cơ bản như: kỹ năng giao tiếp; kỹ năng lắng nghe; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng đặt câu hỏi; kỹ năng đọc; kỹ năng viết; kỹ năng làm việc nhóm và tìm kiếm việc làm...Kỹ năng mềm được hiểu là tất cả các kỹ năng giúp con người tư duy và tương tác với nhau trong công việc và cuộc sống. Nói cách khác, kỹ năng mềm quyết định đến sự thành công của một người và được đánh giá cao trong xã hội hiện đại.	12	18	60	
14	QĐKQ101	Phương pháp nghiên cứu khoa học ngành quản lý đất đai	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được kiến thức liên quan đến các khái niệm chung như khoa học và nghiên cứu khoa học, các loại khoa học, phương	24	06	60	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH TT	Tự học	
				pháp và quan điểm khoa học, các bước tiến hành quá trình nghiên cứu, cách thiết kế nghiên cứu khác nhau, cách thu thập và xử lý dữ liệu, thông tin trong quá trình nghiên cứu. Ngoài ra, học phần cũng giới thiệu đến sinh viên những định hướng nghiên cứu trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường nói chung, lĩnh vực quản lý đất đai nói riêng.				
I.3	Các học phần của ngành		8					
15	KĐTO104	Toán cao cấp	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những kiến thức ban đầu, cơ bản nhất về đại số (ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính) và giải tích toán học (ứng dụng đạo hàm để tính giới hạn, tích phân suy rộng, ...). Các kiến thức này góp phần nâng cao khả năng tư duy của sinh viên và làm cơ sở để học các môn chuyên ngành.	16	14	60	
16	KĐTO106	Xác suất thống kê	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những kiến thức ban đầu, cơ bản	13	17	60	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH TT	Tự học	
				nhất về xác suất (phép thử, biến cố, các công thức tính xác suất, đại lượng ngẫu nhiên, quy luật phân phối xác suất, các đại lượng đặc trưng của biến ngẫu nhiên,...) và thống kê (lý thuyết mẫu, ước lượng tham số,...). Người học được cung cấp phương pháp khoa học phân tích và xử lý dữ liệu có được nhờ các thí nghiệm, các cuộc điều tra nghiên cứu các hiện tượng tự nhiên, các vấn đề kỹ thuật cũng như các vấn đề xã hội.				
17	KĐVL101	Vật lý đại cương	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được các kiến thức về: đo lường; cơ học chất điểm; chuyển động của vũ trụ; nhiệt động lực học; điện – từ trường; dao động cơ và sóng điện từ; quang hình và quang lượng tử. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên để áp dụng vào các lĩnh vực khoa học khác.	14	16	60	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH TT	Tự học	
18	KĐHH101	Hoá học đại cương	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được các kiến thức cơ sở, cơ bản ban đầu của hóa học ở bậc đại học như: Nhiệt động học của một số quá trình hóa học, Động hóa học của các phản ứng, Hiện tượng cân bằng hóa học và sự chuyển dịch cân bằng hóa học, Các kiến thức về dung dịch, pH và cân bằng trong dung dịch, Một số quá trình điện hóa học, Hiện tượng bề mặt và dung dịch keo... Các kiến thức cơ bản này sẽ giúp cho sinh viên vận dụng sự hiểu biết của mình trong việc học tập và nghiên cứu đối với các học phần chuyên ngành có liên quan như môi trường, quản lý đất đai, khoa học biển, biến đổi khí hậu, đại chất và nhiều chuyên ngành khác.	15	15	60	
II	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		98					
<i>II.1</i>	<i>Kiến thức cơ sở ngành</i>		<i>15</i>					

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH TT	Tự học	
19	QĐKQ102	Phong thủy trong quy hoạch đất đai	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về khoa học phong thủy, phong thủy đối với lĩnh vực đất đai, bố trí nhà ở và cảnh quan môi trường. Sinh viên có thể vận dụng kiến thức của môn học để ứng dụng trong quy hoạch đất đai.	20	10	60	
20	TBTĐ130	Trắc địa cơ sở	3	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm những kiến thức cơ bản trong trắc địa như: Các hệ tọa độ dùng trong trắc địa, các mặt thủy chuẩn, góc phương vị, hai bài toán trắc địa, sai số đo, tiêu chuẩn đánh giá độ chính xác; Các kiến thức về máy móc, trang thiết bị đo; Các phương pháp đo và tính toán các trị đo góc, cạnh, chênh cao; Các kiến thức cơ bản về lưới khống chế trắc địa; Thiết kế, đo đạc và tính toán bình sai lưới thủy chuẩn hạng III, hạng IV và kỹ thuật; Thành lập bản đồ địa bình bằng	26,5	18,5	90	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH TT	Tự học	
				phương pháp toàn đạc, phương pháp GNSS.				
21	TBTĐ132	Đo đạc địa chính	3	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về địa chính, các chức năng nhiệm vụ của địa chính; hệ thống địa chính Việt Nam và các khái niệm về bản đồ địa chính; Quy trình thành lập bản đồ địa chính bằng phương pháp toàn đạc và thành lập bản đồ địa chính từ ảnh hàng không; Nội dung cần thể hiện trên bản đồ địa chính.	37	08	90	
22	TBBV118	Bản đồ học	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản trong trắc địa như: Các hệ tọa độ dùng trong trắc địa, các mặt thủy chuẩn, góc phương vị, hai bài toán trắc địa, sai số đo, tiêu chuẩn đánh giá độ chính xác; Các kiến thức về máy móc, trang thiết bị đo; Các phương pháp đo và tính toán các trị đo góc, cạnh, chênh cao; Các kiến thức cơ bản về lưới không	23	07	60	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH TT	Tự học	
				ché trắc địa; Thiết kế, đo đạc và tính toán bình sai lưới thủy chuẩn hạng III, hạng IV và kỹ thuật; Thành lập bản đồ địa bình bằng phương pháp toàn đạc, phương pháp GNSS.				
23	TBTĐ131	Thực tập trắc địa cơ sở	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về địa chính, các chức năng nhiệm vụ của địa chính; hệ thống địa chính Việt Nam và các khái niệm về bản đồ địa chính; Quy trình thành lập bản đồ địa chính bằng phương pháp toàn đạc và thành lập bản đồ địa chính từ ảnh hàng không; Nội dung cần thể hiện trên bản đồ địa chính.	0	120 giờ	60	
24	TBTĐ133	Thực tập đo đạc địa chính	3	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những kiến thức và kỹ năng cơ bản về những vấn đề cơ bản của bản đồ học, khái niệm, nội dung, phân loại và quy trình sản xuất bản đồ, phương pháp thành lập và sử dụng bản đồ giúp sinh		160 giờ	90	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH TT	Tự học	
				viên có thể vận dụng lý thuyết vào việc thiết kế và thành lập các bản đồ.				
II.2	Kiến thức ngành		52					
	Các học phần bắt buộc		38					
25	QĐQB102	Tiếng Anh chuyên ngành	3	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được kiến thức chuyên ngành ở mức có thể đọc hiểu và viết, dịch được các chủ đề chính trong công việc ngành quản lý đất đai; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống trong quản lý đất đai thường gặp; có kỹ năng lập kế hoạch, lập các văn bản hành chính, trình bày ý kiến liên quan đến công tác quản lý đất đai.	10	35	90	
26	QĐKQ103	Khoa học đất	3	Sau khi kết thúc học phần sinh viên được trang bị hệ thống cơ sở lý thuyết về thành phần vô cơ, thành phần hữu cơ trong đất. Bên cạnh đó, cung cấp lý thuyết về keo đất và khả năng hấp phụ của đất, dung dịch đất	31	14	90	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH TT	Tự học	
27	QĐKQ104	Đánh giá đất	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về điều tra, đánh giá đất đai; Điều tra, phân hạng đất nông nghiệp; Điều tra, đánh giá chất lượng đất và tiềm năng đất đai; Điều tra, đánh giá ô nhiễm đất; từ đó, có phương án sử dụng đất hợp lý, hiệu quả, hướng đến sử dụng đất bền vững.	20	10	60	
28	QĐQB103	Quản lý nhà nước về đất đai	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những kiến thức về Nhà nước và Bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam, Đại cương Quản lý Nhà nước về đất đai, Nội dung Quản lý Nhà nước về đất đai giúp sinh viên có cái nhìn toàn diện và có kỹ năng để nghiên cứu Quản lý Nhà nước về đất đai.	22	08	60	
29	QĐQB104	Chính sách đất đai	3	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về một số vấn đề chung về pháp luật đất đai; chính sách quản lý Nhà nước về đất đai; chính	30	15	90	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH TT	Tự học	
				sách sử dụng các loại đất; quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất.				
30	QĐKQ105	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về phát triển kinh tế xã hội, hiểu được mối quan hệ biện chứng về các nhân tố tác động tới sự phát triển kinh tế xã hội của một huyện, tỉnh, vùng, quốc gia. Vận dụng được kiến thức về phát triển kinh tế, xã hội có liên quan và kiến thức cơ bản các học phần đã học để giải quyết được tình huống quy hoạch ngành, lĩnh vực chủ yếu.	22	08	60	
31	QĐKQ106	Quy hoạch đô thị	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những vấn đề cơ bản về đô thị, quá trình phát triển của đô thị, quy hoạch chung xây dựng đô thị, quy hoạch các khu chức năng trong đô thị, thiết kế quy hoạch chi tiết các khu chức năng trong đô thị	20	10	60	
32	QĐKQ107	Quy hoạch sử dụng đất	3	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được kiến	33	12	90	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH TT	Tự học	
				thức về một số vấn đề chung về đất đai, sử dụng đất đai và quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch sử dụng đất ở Việt Nam, quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, huyện, từ đó xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất.				
33	QĐQB105	Giao đất và thu hồi đất	3	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được kiến thức nghiên cứu chuyên sâu về các nội dung: (1) Nhà nước giao đất, (2) Nhà nước cho thuê đất, (3) Chuyển mục đích sử dụng đất, (4) Nhà nước thu hồi đất. Học phần Giao đất cung cấp cho sinh viên một số quy định về giao đất, cho thuê đất. của Nhà nước đang áp dụng. Đồng thời học phần còn cung cấp một số quy định về thu hồi, bồi thường khi Nhà nước tiến hành thu hồi đất của các đối tượng sử dụng đất.	23	22	90	
34	QĐKQ108	Sử dụng đất và kinh tế đất	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được các vấn đề tổng quan về sử dụng	19	11	60	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH TT	Tự học	
				đất, tổng quan về kinh tế đất; các vấn đề về bản chất địa tô, địa tô chênh lệch, địa tô tuyệt đối; Lợi thế so sánh và chi phí cơ hội trong kinh tế tài nguyên đất, Phân tích hiệu quả sử dụng đất khi tiến hành các dự án đầu tư trong sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là hiệu quả kinh tế.				
35	QĐQB106	Định giá đất	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về nguyên tắc, cơ sở phương pháp luận của giá đất, phương pháp định giá đất nói chung và định giá đất phi nông nghiệp, định giá đất nông nghiệp nói riêng. Học phần cũng trình bày một số kiến thức cơ bản về quy trình xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất, định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;	20	10	60	
36	QĐQB107	Kỹ năng nghề nghiệp trong quản lý đất đai	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được một số các kỹ năng như: kỹ năng điều tra, thu thập và xử lý số liệu; kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định; kỹ	12	18	60	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH TT	Tự học	
				năng tiếp dân và giải quyết mâu thuẫn; kỹ năng quản lý thông tin; kỹ năng tư vấn pháp luật; kỹ năng tổ chức công việc và quản lý thời gian; kỹ năng lãnh đạo. Người học có thể vận dụng các kỹ năng nghề nghiệp trong Quản lý đất đai để quản lý và tổ chức thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực quản lý đất đai.				
37	QĐCT101	Cơ sở dữ liệu đất đai	3	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những kiến thức chung về cơ sở dữ liệu, cơ sở dữ liệu đất đai đất đai; hệ quản trị cơ sở dữ liệu, ngôn ngữ truy vấn SQL và sử dụng các lệnh cơ bản của hệ quản trị cơ sở dữ liệu. Đồng thời cũng nắm vững được nội dung, quy trình xây dựng và cách quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu đất đai. Đồng thời có thể tự thiết kế các mô hình cơ sở dữ liệu phục vụ cho ngành quản lý, tổ chức và quản lý tốt các dữ	26	19	90	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH TT	Tự học	
				liệu nói chung và dữ liệu đất đai nói riêng trên các phần mềm quản trị cơ sở dữ liệu và phần mềm chuyên ngành.				
38	QĐCT102	Tin học ứng dụng trong quản lý đất đai 1	3	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những kiến thức và kỹ năng cơ bản về bản đồ số, quy trình thành lập bản đồ số bằng hệ thống phần mềm và các modul chạy trên nền của phần mềm MicroStation, TK Tool. Làm quen với việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và sử dụng đất đai.	9,5	35,5	90	
39	QĐCT103	Hướng dẫn khởi nghiệp	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những vấn đề cơ bản về khởi nghiệp; Thành lập doanh nghiệp và các thủ tục liên quan; Một số lĩnh vực kinh doanh trong ngành quản lý đất đai và quản lý đất đai.	20	10	60	
40	QĐQB108	Kiến tập nghề nghiệp	1	Sau khi kết thúc học phần giúp sinh viên tham quan, tìm hiểu môi trường làm việc thực tế ở các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự		80 giờ	30	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH TT	Tự học	
				<p>nghiệp ở các địa phương hay các doanh nghiệp trong lĩnh vực quản lý đất đai. Qua đó, sinh viên sẽ được quan sát, học hỏi các kỹ năng chuyên môn cũng như các kỹ năng nghề nghiệp, làm quen với văn hóa công sở, doanh nghiệp, đồng thời có cái nhìn cụ thể hơn về con đường và trách nhiệm nghề nghiệp. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên tự định hướng được con đường nghề nghiệp cũng như môi trường làm việc của mình sau khi ra trường, thực hành các kỹ năng mềm, tác phong và thái độ hành xử chuyên nghiệp để có thể thích nghi, giao tiếp và làm việc trong môi trường Nhà nước hoặc doanh nghiệp.</p>				
	Các học phần tự chọn		14/24					
41	QĐQB109	Quản lý thị trường bất động sản	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những kiến thức về bất động sản, thị trường bất động sản,	22	08	60	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH TT	Tự học	
				kinh doanh bất động sản; Phân tích được khái niệm, đặc điểm của bất động sản, thị trường bất động sản; Lựa chọn phương pháp định giá bất động sản phù hợp; Vận dụng các nguyên tắc, điều kiện vào kinh doanh bất động sản có sẵn, bất động hình thành trong tương lai và kinh doanh dịch vụ bất động sản; Tổng hợp và đánh giá được thực tế vai trò điều tiết của nhà nước đối với thị trường bất động sản và những phương hướng nhằm phát triển thị trường bất động sản theo hướng bền vững.				
42	QĐQB110	Dịch vụ công về đất đai	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những vấn đề chung về dịch vụ công và tổ chức quản lý các hoạt động cung ứng dịch vụ công; những vấn đề cơ bản về dịch vụ công đất đai (khái niệm, đặc trưng, phân loại...); chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động	23	07	60	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH TT	Tự học	
				của các tổ chức dịch vụ công về đất đai.				
43	QĐKQ109	Quản lý và sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về biến đổi khí hậu; tác động và hậu quả của biến đổi khí hậu đến đất đai và sử dụng đất; đồng thời đề xuất các giải pháp quản lý và sử dụng bền vững tài nguyên đất đai ứng phó với biến đổi khí hậu.	24	06	60	
44	MTQT153	Quản lý tài nguyên môi trường	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được kiến thức ở 3 chương. Chương 1 nhằm giới thiệu tới người học các kiến thức cơ bản về tài nguyên và môi trường. Chương 2 tập trung vào các nhóm công cụ quản lý tài nguyên và môi trường chính đang được sử dụng trong nước như công cụ pháp lý, công cụ kinh tế, công cụ kỹ thuật và công cụ phụ trợ. Chương 3 hướng dẫn việc áp dụng các công cụ quản lý tài nguyên và môi trường trong quản lý	18	12	60	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH TT	Tự học	
				một số đối tượng tài nguyên và thành phần môi trường cụ thể.				
45	QĐQB111	Chính sách nhà ở	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những kiến thức: chính sách pháp Luật về xây dựng, chính sách pháp Luật về nhà ở.	20	10	60	
46	QĐCT104	Hệ thống thông tin đất đai	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được kiến thức về hệ thống thông tin đất, các thuật ngữ, các mô hình (dữ liệu thuộc tính, đồ họa), hệ quản trị cơ sở dữ liệu và công cụ giúp xây dựng hệ thống thông tin đất đai.	26	04	60	
47	QĐQB112	Thống kê đất đai	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những kiến thức tổng quan về nguyên lý thống kê như khái niệm, điều tra thống kê, tổng hợp, phân tích và dự báo thống kê, chỉ tiêu hiện tượng kinh tế xã hội; Những quy định chung về thống kê, kiểm kê đất đai như mục đích, nguyên tắc, kết quả thống kê, kiểm kê đất đai; Các chỉ tiêu đất đai	20	10	60	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH TT	Tự học	
				theo mục đích sử dụng, chỉ tiêu người sử dụng đất, người được Nhà nước giao quản lý đất; Biểu mẫu thống kê, kiểm kê đất đai; Trình tự thực hiện thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;				
48	QĐKQ110	Hoá học đất	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được hệ thống cơ sở lý thuyết về thành phần vô cơ, thành phần hữu cơ trong đất. Bên cạnh đó, cung cấp lý thuyết về keo đất và khả năng hấp phụ của đất, dung dịch đất.	21	09	60	
49	QĐKQ111	Quy hoạch nông nghiệp và phát triển nông thôn	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được các khái niệm về phát triển và phát triển nông thôn, phát triển bền vững, các đặc trưng của vùng nông thôn và sự cần thiết phải quy hoạch phát triển nông thôn; cơ sở lý luận và cơ sở pháp lý về quy hoạch nông nghiệp; thực trạng và định hướng, giải pháp phát triển nông nghiệp Việt Nam hiện nay; các vấn đề và các quan	25	05	60	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH TT	Tự học	
				điểm về phát triển nông thôn, các nội dung trong quy hoạch phát triển nông thôn, các nội dung trong quy hoạch nông thôn mới.				
50	MTQM15 2	Đánh giá tác động môi trường	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về môi trường và đánh giá tác động môi trường như: các thành phần môi trường, phân biệt được các hình thức, đối tượng cần thực hiện đánh giá tác động môi trường. Bên cạnh đó sinh viên sẽ hiểu được tiến trình và một số phương pháp cơ bản trong quá trình đánh giá tác động môi trường.	19,5	10,5	60	
51	QĐKQ112	Quy hoạch cảnh quan	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những kiến thức về: Một số nội dung cơ bản về quy hoạch cảnh quan, Những vấn đề chung về quy hoạch cảnh quan và Quy hoạch không gian cảnh quan khu trung tâm.	23	07	60	
52	TBBV119	Cơ sở viễn thám	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm những kiến	22	08	60	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH TT	Tự học	
				thức cơ bản về nguyên lý, đặc điểm và khả năng ứng dụng của các loại ảnh vệ tinh, các bước trong quá trình xử lý ảnh vệ tinh quang học. Học xong học phần này, người học sẽ có nền tảng vững chắc hỗ trợ cho các học phần chuyên ngành trong lĩnh vực quản lý đất đai.				
II.3	Kiến thức chuyên ngành		19/34					
53	QĐQB113	Đăng ký đất đai	3	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những kiến thức về đăng ký đất đai; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; hồ sơ địa chính. Học phần này có mối quan hệ chặt chẽ với các học phần Chính sách đất đai, Thống kê đất đai, Giao đất và thu hồi đất, Tài chính đất đai, Tin học ứng dụng trong quản lý đất đai 1 và Tin học ứng dụng trong quản lý đất đai 2.	30	15	90	
54	QĐQB114	Tài chính đất đai	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những	21	09	60	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH TT	Tự học	
				kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận về tài chính đất đai và quy định các khoản thu tài chính từ đất đai như: tiền sử dụng đất; tiền thuê đất; tiền thu từ xử phạt vi phạm pháp luật về đất đai; phí và lệ phí và các loại thuế liên quan đến đất đai... Từ đó tổng hợp các kiến thức để xác định các loại nghĩa vụ tài chính trong công tác quản lý và sử dụng đất đai.				
55	QĐQB115	Thanh tra đất đai và xây dựng	3	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những hiểu biết có bản nhất về công tác thanh tra, giải quyết tranh chấp đất đai, khiếu nại, tố cáo về đất đai, xây dựng và nhà ở. Học phần được bố trí thành 5 chương: Một số vấn đề chung về thanh tra; thanh tra, kiểm tra, quản lý và sử dụng đất đai, xây dựng, nhà ở ; xử lý vi phạm pháp Luật đất đai, xây dựng, nhà ở; giải quyết tranh chấp đất đai, xây dựng, nhà ở ; giải	33	12	90	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH TT	Tự học	
				quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai, xây dựng, nhà ở.				
56	QĐCT105	Tin học ứng dụng trong quản lý đất đai 2	3	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những kiến thức cách cài đặt phần mềm, thiết lập hệ thống, kê khai đăng ký, cấp giấy chứng nhận, quản lý biến động, quản lý hồ sơ địa chính và quản lý hồ sơ quét trên phần mềm VILIS 2.0.	15	30	90	
57	QĐKQ113	Thực tập Quy hoạch sử dụng đất	3	Sau khi kết thúc học phần giúp sinh viên tổng hợp, vận dụng kiến thức đã học vào thực hành tay nghề chuyên môn về quy hoạch sử dụng đất. Học phần gồm những nội dung chính sau: Tập hợp thông tin, số liệu, tài liệu; nhận xét đánh giá tài liệu, số liệu. Xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất. Xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất, bản đồ quy hoạch sử dụng đất. Viết báo cáo tổng hợp, hoàn thiện tài liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.		160 giờ	90	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH TT	Tự học	
58	QĐQB116	Thực tập Đăng ký thông kê đất đai	3	Sau khi kết thúc học phần giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học của các học phần chính sách đất đai, thông kê đất đai và đăng ký đất đai để tổ chức thực hiện các nghiệp vụ về đăng ký, cấp giấy chứng nhận; lập và chỉnh lý các tài liệu trong hồ sơ địa chính; thống kê, kiểm kê đất đai. Học phần có các nội dung cơ bản như sau: thu thập, tổng hợp, đánh giá các tài liệu, số liệu tại địa phương (đăng ký, cấp giấy chứng nhận lần đầu; đăng ký biến động đất đai; các tài liệu trong hồ sơ địa chính; báo cáo và biểu mẫu thống kê, kiểm kê đất đai) để lập hồ sơ đăng ký, cấp giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký biến động đất đai; Lập và chỉnh lý được các loại tài liệu trong hồ sơ địa chính; Lập được các biểu mẫu thống kê, kiểm kê đất đai; Viết báo cáo tổng hợp kết quả thực tập.		160 giờ	90	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH TT	Tự học	
59	QĐCT106	Thực tập tin học ứng dụng trong quản lý đất đai	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những kỹ năng về việc thực hiện quy trình tiến hành thành lập bản đồ số nói chung và bản đồ hiện trạng sử dụng đất, Kê khai đăng ký Hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận trên phần mềm VILIS 2.0, Quản lý biến động trên phần mềm VILIS 2, Quản lý hồ sơ địa chính trên phần mềm VILIS 2.0.		120 giờ	60	
60	QĐCT107	Quản lý xây dựng	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những kiến thức chung về quản lý dự án xây dựng, quản lý xây dựng nhà ở riêng lẻ và những quy định chung của pháp luật về nhà ở và pháp luật về xây dựng. Sinh viên sau khi học xong học phần có kỹ năng quản lý dự án xây dựng và thực hiện trình tự, thủ tục cấp giấy phép xây dựng đối với những công trình yêu cầu phải cấp giấy phép xây dựng. Đồng thời, sinh viên có kỹ năng xử lý xử phạt hành chính	22	08	60	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH TT	Tự học	
				đối với những hoạt động xây dựng trái pháp luật.				
61	QĐCT108	Lập và quản lý dự án đầu tư bất động sản	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những kiến thức tổng quan về lập và quản lý dự án đầu tư bất động sản, nắm bắt được những kiến thức cơ bản về lập quản lý dự án, phân tích được những vấn đề quan trọng nhất của công tác quản lý dự án đầu tư đối với lĩnh vực đất đai. Vận dụng các kiến thức để phân tích và đánh giá xây dựng được quy trình lập và quản lý dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai; các loại hình lập và quản lý dự án đầu tư bất động sản. Sinh viên thành thạo trong việc đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả trong công tác lập và quản lý dự án bất động sản nói riêng và quản lý Nhà nước về đất đai nói chung tại địa phương.	23	07	60	
62	QĐQB117	Kinh doanh bất động sản	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những kiến thức và kỹ năng về	22	08	60	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH TT	Tự học	
				kinh doanh bất động sản; kinh doanh bất động sản có sẵn; kinh doanh bất động sản hình thành trong tương lai và kinh doanh dịch vụ bất động sản. Học phần giúp sinh viên có cái nhìn toàn diện và có kỹ năng để nghiên cứu các quy định, các văn bản pháp lý về kinh doanh bất động sản. Học phần sẽ giới thiệu cho sinh viên một số văn bản sử dụng trong kinh doanh bất động sản sau này.				
63	QĐQB118	Thực tập định giá đất	3	Sau khi kết thúc học phần giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học của học phần định giá đất để tổ chức thực hiện các nghiệp vụ định giá đất đai.		160 giờ	90	
64	QĐQB119	Thực tập tài chính đất đai	3	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được các nội dung cơ bản như sau: Phổ biến mục đích, yêu cầu, nội quy và quy chế thực tập; Phân công tổ chức thực tập và giao nhiệm vụ cho nhóm, các thành viên trong nhóm; Hướng dẫn các		160 giờ	90	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH TT	Tự học	
				nhóm thu thập, đánh giá, tổng hợp các tài liệu liên quan đến vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; các biểu mẫu để lập hồ sơ xin giao đất, thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; Lập hồ sơ khai thuế sử dụng đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp; Kiểm tra, nghiệm thu thành quả thực tập.				
65	QĐQB120	Thực tập thanh tra đất đai và xây dựng	3	Sau khi kết thúc học phần giúp cho người học vận dụng được những kiến thức đã học để thực hiện việc thanh tra, kiểm tra công tác quản lý và sử dụng đất đai; thanh tra, kiểm tra công tác xử lý những sai phạm trong sử dụng đất đai, xây dựng và nhà ở; thanh tra, kiểm tra công tác giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai, xây dựng và nhà ở trong thực tiễn. Học phần được bố trí thành các bài thực tập theo ngày trong thời gian 04 tuần.		160 giờ	90	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH TT	Tự học	
II.4	Kiến thức thực tập, khóa luận tốt nghiệp		12					
66	QĐQB121	Thực tập tốt nghiệp	6	Sau khi kết thúc học phần giúp sinh viên trình bày và giải thích được những kiến thức cơ bản về Quy hoạch sử dụng đất, Đăng ký thông kê đất đai, Thanh tra đất đai, Định giá đất từ đó phân tích, đánh giá, tổng hợp và vận dụng kiến thức đã học vào rèn luyện tay nghề chuyên môn về Quy hoạch sử dụng đất, Đăng ký thông kê đất đai, Thanh tra đất đai, Định giá đất. Sinh viên nghiên cứu lựa chọn chuyên đề theo hướng dẫn của khoa.		320 giờ	180	
67	QĐQB122	Khoá luận tốt nghiệp	6	Sinh viên tổng hợp, vận dụng kiến thức đã học và những kiến thức thực tế trong các lĩnh vực quản lý đất đai để nghiên cứu một đề tài và viết báo cáo kết quả nghiên cứu của đề tài đó theo đề cương nghiên cứu và đạt được những mục tiêu đã đặt ra đối với đề tài. Sinh viên sẽ bảo vệ kết quả		320 giờ	180	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH TT	Tự học	
				nghiên cứu đề tài đó trước hội theo quy định của nhà trường và khoa.				
	Các môn thay thế Khoá luận tốt nghiệp							
68	QĐKQ114	Bảo vệ tài nguyên đất	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm nội dung chính về tổng quan thực trạng tài nguyên đất thế giới và Việt Nam; các quá trình thoái hóa đất; các kỹ thuật bảo vệ tài nguyên đất.	21	09	60	
69	QĐCT109	Công nghệ chuyển đổi số trong quản lý đất đai	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về chuyển đổi số, định hướng nghề nghiệp, cách tiếp cận thế giới và định hướng chuyển đổi số của ngành quản lý đất đai. Đồng thời tìm hiểu chương trình chuyển đổi số tài nguyên và môi trường đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Nắm vững những quy trình cụ thể đang được áp dụng trong chuyển đổi số đối với công tác quản lý nhà nước.	22	08	60	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số (TC)	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	BT, TL, TH TT	Tự học	
70	QĐQB123	Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai	2	Sau khi kết thúc học phần sinh viên nắm được những kiến thức: giải quyết tranh chấp đất đai; giải quyết khiếu nại, tố cáo các vi phạm pháp luật về đất đai.	16	14	60	
Tổng cộng			133					

3.4. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần để đạt được Chuẩn đầu ra

STT	HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT																			Tổng
		Kiến thức						Kỹ năng										Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
		2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.2.8	2.2.9	2.2.10	2.3.1	2.3.2	2.3.3	
I	Khối kiến thức giáo dục đại cương																				
I.1	Các học phần chung																				
1	Triết học Mác - Lênin	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	3	-	-	-	2	4
2	Kinh tế Chính trị Mác – Lê nin	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	3	-	-	-	2	4
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	2	3
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3	2	-	-	-	-	2	4
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	3	-	-	-	2	4
6	Tiếng Anh 1	-	3	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	3	4
7	Tiếng Anh 2	-	3	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	3	4
8	Tiếng Anh 3	-	3	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	3	4
I.2	Các học phần bắt buộc của trường																				
9	Pháp luật đại cương	3	-	2	-	-	2	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-	3	2	6
10	Tin học đại cương	-	3	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-	2	3	-	4
11	Kỹ năng mềm	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3	3	2	2	2	-	6
12	Phương pháp nghiên cứu khoa học ngành bất động sản	-	3	3	-	-	-	-	-	-	-	-	2	3	-	-	-	2	-	-	5
I.3	Các học phần của ngành																				
13	Toán cao cấp	-	3	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	2	-	-	3
14	Xác suất thống kê	-	3	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	2	-	-	3
15	Vật lý đại cương	-	3	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	2	2	-	4
16	Hoá học đại cương	1	2	2	-	-	-	2	2	-	-	-	-	-	-	-	-	2	2	-	7

STT	HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT																			Tổng
		Kiến thức						Kỹ năng										Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
		2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.2.8	2.2.9	2.2.10	2.3.1	2.3.2	2.3.3	
II	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp																				
II.1	Kiến thức cơ sở ngành																				
17	Phong thủy trong quy hoạch đất đai	-	2	3	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	2		3	5
18	Trắc địa cơ sở	-	-	-	3	-	-	-	-	-		-	3	-	-	-	-			2	3
19	Đo đạc địa chính	-	-	-	3	-	-	-	-	-	2	-	3	-	-	-	-	2	3	3	6
20	Bản đồ học	-	-	-	3	-	-	-	-	-	2	-	3	-	-	-	-	2	3	3	6
21	Thực tập trắc địa cơ sở	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	3	3	2	5
22	Thực tập đo đạc địa chính	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	2	3	2	5
II.2	Kiến thức ngành																				
	<i>Các học phần bắt buộc</i>																				
23	Tiếng Anh chuyên ngành	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	3	2	4
24	Khoa học đất(*)	-	-	3	-	-	-	2	3	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	4
25	Đánh giá đất	-	-	3	-	2	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	2	-	-	4
26	Quản lý nhà nước về đất đai	-	-	-	-	2	3	-	-	-	3	-	-	-	2	-	-	2	-	3	6
27	Chính sách đất đai	-	-	3	-	-	-	-	-	3	2	-	-	-	-	-	-	3	2		5
28	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	2	-	3	4
29	Quy hoạch đô thị	1		3	2	-	-	-	-	-	-	3	-	2	-	-	-	-	-	3	6
30	Quy hoạch sử dụng đất	-	-	3	-	-	-	-	-	-	3	2	-	-	-	-	-	3	-	2	5
31	Giao đất và thu hồi đất	-	-	-	-	3	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-	3	2	4

STT	HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT																			Tổng
		Kiến thức						Kỹ năng										Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
		2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.2.8	2.2.9	2.2.10	2.3.1	2.3.2	2.3.3	
32	Sử dụng đất và kinh tế đất	1	-	-	-	3		1	2	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	2	6
33	Định giá đất	-	-	-	-	3	2	1	-	-	-	3	3	-	-	-	-	2	-	3	7
34	Kỹ năng nghề nghiệp trong quản lý đất đai	-	2	-	-	3	-	-	-	2	3	-	-	-	-	-	-	2	-	3	6
35	Cơ sở dữ liệu đất đai	-	-	-	3	2	3			3	2		3	2	-	-	-	2	-	3	9
36	Tin học ứng dụng trong quản lý đất đai 1(*)	-	-	-	3	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	3	2	4
37	Hướng dẫn khởi nghiệp	-	-	-	-	-	3				-	-	-	-	3	3	2	-	2	3	6
38	Kiến tập nghề nghiệp	-	-	-	-	3	2			3	-	-	-	-	2	3		3	2	3	8
	<i>Các học phần tự chọn</i>																				
39	Quản lý thị trường bất động sản	-	-	-	-	3	3	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	3	-	2	5
40	Dịch vụ công về đất đai	-	-	-	-	3	-	-	-	3	-	-	-	-	2	-	-	2	-	3	5
41	Quản lý và sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu	-	-	3	-	-	-	-		-	3	3	-	-	-	-	-	3	-	2	5
42	Quản lý tài nguyên môi trường	-	-	3	-	-	-	-	-	2	3	-	-	-	-	-	-	2	-	3	5
43	Chính sách nhà ở	-	-	3	-	-	-	1	3	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	3	5
44	Hệ thống thông tin đất đai	-	-	-	3	2	3	-	-	-	2		3	-	-	-	-	2	-	2	7
45	Thông kê đất đai	1	-	-	-	3	3	-	-	-	3	-	-	-	2	-	-	3	-	2	7
46	Hoá học đất	-	-	3	-	2	-	1	3	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	5
47	Quy hoạch nông nghiệp và phát triển nông thôn	-	-	-	-	3	3	-	1	3	-	-	2	-	-	-	-	3	-	2	7
48	Đánh giá tác động môi trường	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	3	-	3
49	Quy hoạch cảnh quan	-	3	3	-	2	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	3	5

STT	HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT																			
		Kiến thức						Kỹ năng										Năng lực tự chủ và trách nhiệm			Tổng
		2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.2.8	2.2.9	2.2.10	2.3.1	2.3.2	2.3.3	
65	Bảo vệ tài nguyên đất	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	2	3
66	Công nghệ chuyển đổi số trong quản lý đất đai	-	3	-	3	-	-	-	-	-	3	-	3	-	-	-	-	2	-	2	6
67	Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai	-	-	-	-	3	-	-	-	3	-	-	-	-	3	-	-	2	-	2	5
Tổng (%)		10	16	19	15	28	21	13	13	15	24	15	15	9	15	8	2	51	23	51	-

Mức đóng góp: nhiều (3); trung bình (2); ít (1); không (-).

3.5. Kế hoạch học tập dự kiến phân bố theo học kỳ

STT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ theo học kỳ							
			Năm thứ 1		Năm thứ 2		Năm thứ 3		Năm thứ 4	
			HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
I	Khối kiến thức giáo dục đại cương									
1.1	Các học phần chung									
1	Triết học Mác - Lênin	LCML101	3							
2	Kinh tế Chính trị Mác – Lê nin	LCML102		2						
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LCML103			2					
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LCTT101				2				
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	LCLS101					2			
6	Tiếng Anh 1	NNTA101	3							
7	Tiếng Anh 2	NNTA102		3						
8	Tiếng Anh 3	NNTA103			2					
1.2	Các học phần bắt buộc của Trường									
9	Pháp luật đại cương	LCPL101	2							
10	Tin học đại cương	CTKU101		2						
11	Kỹ năng mềm	QĐQB101		2						
12	Phương pháp nghiên cứu khoa học ngành quản lý đất đai	QĐKQ101		2						
1.3	Các học phần của ngành									
13	Toán cao cấp	KĐTO104	2							
14	Xác suất thống kê	KĐTO106		2						
15	Vật lý đại cương	KĐVL101	2							
16	Hoá học đại cương	KĐHH101	2							
II	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp									
2.1	Kiến thức cơ sở ngành									
17	Phong thủy trong quy hoạch đất đai	QĐKQ102			2					
18	Trắc địa cơ sở	TBTĐ130		3						
19	Đo đạc địa chính	TBTĐ132			3					

STT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ theo học kỳ								
			Năm thứ 1		Năm thứ 2		Năm thứ 3		Năm thứ 4		
			HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	
20	Bản đồ học	TBBV118			2						
21	Thực tập trắc địa cơ sở	TBTĐ131			2						
22	Thực tập đo đạc địa chính	TBTĐ133					3				
2.2	Kiến thức ngành										
2.2.1	Bắt buộc										
23	Tiếng Anh chuyên ngành	QĐQB102				3					
24	Khoa học đất	QĐKQ103			3						
25	Đánh giá đất	QĐKQ104				2					
26	Quản lý nhà nước về đất đai	QĐQB103			2						
27	Chính sách đất đai	QĐQB104				3					
28	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội	QĐKQ105				2					
29	Quy hoạch đô thị	QĐKQ106				2					
30	Quy hoạch sử dụng đất	QĐKQ107				3					
31	Giao đất và thu hồi đất	QĐQB105					3				
32	Sử dụng đất và kinh tế đất	QĐKQ108				2					
33	Định giá đất	QĐQB106						2			
34	Kỹ năng nghề nghiệp trong quản lý đất đai	QĐQB107						2			
35	Cơ sở dữ liệu đất đai	QĐCT101						3			
36	Tin học ứng dụng trong quản lý đất đai 1	QĐCT102						3			
37	Hướng dẫn khởi nghiệp	QĐCT103						2			
38	Kiên tập nghề nghiệp	QĐQB108							1		
2.2.2	Tự chọn (chọn 14/24 TC)										
39	Quản lý thị trường bất động sản	QĐQB109							2		
40	Dịch vụ công về đất đai	QĐQB110							2		

STT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ theo học kỳ								
			Năm thứ 1		Năm thứ 2		Năm thứ 3		Năm thứ 4		
			HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	
60	Kinh doanh bất động sản	QĐQB117								2	
61	Thực tập định giá đất	QĐQB118								3	
62	Thực tập tài chính đất đai	QĐQB119								3	
63	Thực tập thanh tra đất đai và xây dựng	QĐQB120									3
2.4	<i>Kiến thức thực tập, khóa luận tốt nghiệp</i>										
64	Thực tập tốt nghiệp	QĐQB121									6
65	Khoá luận tốt nghiệp	QĐQB122									6
	<i>Các môn thay thế Khoá luận tốt nghiệp</i>										
66	Bảo vệ tài nguyên đất	QĐKQ114									2
67	Công nghệ chuyển đổi số trong quản lý đất đai	QĐCT109									2
68	Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai	QĐQB123									2
	Tổng số tín chỉ (133)		14	16	18	19	20	18	14	14	

3.6. Mô tả nội dung và khối lượng các học phần

1. Triết học Mác-Lênin

3TC

Học phần Triết học Mác-Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học, là học phần tiên quyết, trang bị thế giới quan và phương pháp luận làm tiền đề cho việc học tập các học phần lý luận chính trị tiếp theo. Nội dung học phần gồm 3 chương, ngoài khái quát những tri thức chung về triết học, học phần trang bị những kiến thức cơ bản về triết học Mác-Lênin bao gồm chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử và ý nghĩa phương pháp luận của những kiến thức triết học đối với thực tiễn.

2. Kinh tế chính trị Mác – Lê nin

2 TC

Kinh tế chính trị Mác – Lê nin là học phần bắt buộc thuộc các môn Lý luận chính trị trong giáo dục đại học, cung cấp những tri thức cơ bản về nền kinh tế hàng hóa, nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay. Trên cơ sở đó, giúp người học củng cố phương pháp học tập, nghiên cứu,

nhận diện đúng mối quan hệ xã hội của sản xuất và trao đổi, hiểu được ý nghĩa của việc học tập kinh tế chính trị trong hoạt động thực tiễn hiện nay.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

2 TC

Chủ nghĩa xã hội khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học, là tiền đề cho hai học phần tiếp theo là Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam. Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội giai cấp và liên minh giai cấp, vấn đề dân tộc, tôn giáo và gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

4. Tư tưởng Hồ Chí Minh

2 TC

Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, thuộc các môn lý luận chính trị. Học phần trang bị những kiến thức cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh, giúp sinh viên nhận thức sâu sắc giá trị khoa học của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Qua đó, sinh viên có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, tích cực học tập, tu dưỡng, rèn luyện đạo đức để góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

2 TC

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, thuộc các môn lý luận chính trị; Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

6. Tiếng Anh 1

3 TC

Học phần “*Tiếng Anh 1*” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều chủ điểm chung: công việc hàng ngày, thói quen, sở thích, du lịch, đất nước, con người... Người học có

cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết thông qua các tình huống thường gặp trong cuộc sống hàng ngày như: giới thiệu bản thân, giải quyết những vấn đề thường gặp khi giao tiếp trên điện thoại và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội.

7. Tiếng Anh 2

3 TC

Học phần “*Tiếng Anh 2*” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, so sánh của tính từ - trạng từ, động từ khuyết thiếu... và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều chủ điểm như: nghề nghiệp, lễ hội, du lịch... ở mức độ tiên trung cấp. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết mức độ tiên trung cấp thông qua các tình huống thường gặp trong cuộc sống hàng ngày như: gọi điện thoại, thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội.

8. Tiếng Anh 3

2 TC

Học phần “*Tiếng Anh 3*” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh như thì quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, thể bị động của quá khứ đơn, hiện tại đơn, hiện tại hoàn thành tiếp diễn với các từ xác định và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều điểm chung: hiện tại và quá khứ, sức khỏe, các bệnh thường gặp, các vật dụng hàng ngày, tiền tệ. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết thông qua các tình huống thường gặp trong cuộc sống như: cuộc sống hiện tại và quá khứ, thực hành những đoạn hội thoại liên quan về sức khỏe và tai nạn, tìm hiểu về các thương hiệu nổi tiếng trên thế giới, tìm hiểu kỹ hơn về các vận dụng hàng ngày cần thiết khi mang đi du lịch.

9. Pháp luật đại cương

2 TC

Học phần Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức đại cương của tất cả các chuyên ngành đào tạo trong trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. Mục tiêu của học phần này nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật. Nội dung của học phần bao gồm những vấn đề cơ bản nhất, chung nhất về nhà nước và pháp luật; những nội dung về các ngành luật cơ bản và Pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Sau khi kết thúc học phần, người học ilet vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những tình huống trong thực tế.

10. Tin học đại cương**2 TC**

Học phần “*Tin học đại cương*” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần tin học đại cương gồm các kiến thức cơ bản về tin học và công nghệ thông tin như: khái niệm thông tin và cách biểu diễn thông tin trong máy tính, cấu trúc và hoạt động của hệ thống máy tính, mạng máy tính, Internet, ứng dụng của công nghệ thông tin; sinh viên hiểu khái niệm hệ điều hành, làm quen với một số hệ điều hành thông dụng và biết cách giao tiếp với hệ điều hành Windows; biết sử dụng các phần mềm ứng dụng văn phòng: MS Word, MS Excel và MS Powerpoint.

11. Kỹ năng mềm**2 TC**

Kỹ năng mềm là một học phần bắt buộc trong khối kiến thức Giáo dục đại cương. Học phần kỹ năng mềm cung cấp cho người học những kỹ năng cơ bản như: kỹ năng giao tiếp; kỹ năng lắng nghe; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng đặt câu hỏi; kỹ năng đọc; kỹ năng viết; kỹ năng làm việc nhóm và tìm kiếm việc làm... Kỹ năng mềm được hiểu là tất cả các kỹ năng giúp con người tư duy và tương tác với nhau trong công việc và cuộc sống. Nói cách khác, kỹ năng mềm quyết định đến sự thành công của một người và được đánh giá cao trong xã hội hiện đại.

12. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong quản lý đất đai**2 TC**

Học phần “*Phương pháp nghiên cứu khoa học trong quản lý đất đai*” cung cấp cho sinh viên kiến thức liên quan đến các khái niệm chung như khoa học và nghiên cứu khoa học, các loại khoa học, phương pháp và quan điểm khoa học, các bước tiến hành quá trình nghiên cứu, cách thiết kế nghiên cứu khác nhau, cách thu thập và xử lý dữ liệu, thông tin trong quá trình nghiên cứu. Ngoài ra, học phần cũng giới thiệu đến sinh viên những định hướng nghiên cứu trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường nói chung, lĩnh vực quản lý đất đai nói riêng.

13. Toán cao cấp**2 TC**

Học phần Toán cao cấp trang bị cho sinh viên những kiến thức ban đầu, cơ bản nhất về đại số (ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính) và giải tích toán học (ứng dụng đạo hàm để tính giới hạn, tích phân suy rộng, ...). Các kiến thức này góp phần nâng cao khả năng tư duy của sinh viên và làm cơ sở để học các môn chuyên ngành.

14. Xác suất thống kê**2 TC**

Học phần “*Xác suất thống kê*” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức ban đầu, cơ bản nhất về xác suất (phép thử, biến cố, các công thức tính xác suất, đại lượng ngẫu nhiên, quy luật phân phối xác suất, các đại lượng đặc trưng của biến ngẫu nhiên,...) và thống kê (lý thuyết mẫu, ước lượng tham số,...). Người học được cung cấp phương pháp khoa học phân tích và xử lý dữ liệu có được nhờ các thí nghiệm, các cuộc điều tra nghiên cứu các hiện tượng tự nhiên, các vấn đề kỹ thuật cũng như các vấn đề xã hội.

15. Vật lý đại cương

2 TC

Học phần “*Vật lý đại cương*” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần giới thiệu cho sinh viên các kiến thức về: đo lường; cơ học chất điểm; chuyển động của vũ trụ; nhiệt động lực học; điện – từ trường; dao động cơ và sóng điện từ; quang hình và quang lượng tử. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên để áp dụng vào các lĩnh vực khoa học khác.

16. Hóa học đại cương

2 TC

Học phần Hóa học đại cương cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ sở, cơ bản ban đầu của hóa học ở bậc đại học như: Nhiệt động học của một số quá trình hóa học, Động hóa học của các phản ứng, Hiện tượng cân bằng hóa học và sự chuyển dịch cân bằng hóa học, Các kiến thức về dung dịch, pH và cân bằng trong dung dịch, Một số quá trình điện hóa học, Hiện tượng bề mặt và dung dịch keo... Các kiến thức cơ bản này sẽ giúp cho sinh viên vận dụng sự hiểu biết của mình trong việc học tập và nghiên cứu đối với các học phần chuyên ngành có liên quan như môi trường, quản lý đất đai, khoa học biển, biến đổi khí hậu, đại chất và nhiều chuyên ngành khác.

17. Phong thủy trong quy hoạch đất đai

2 TC

Học phần Phong thủy trong quy hoạch đất đai là học phần trong khối kiến thức cơ sở ngành của ngành Quản lý đất đai. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về khoa học phong thủy, phong thủy đối với lĩnh vực đất đai, bố trí nhà ở và cảnh quan môi trường. Sinh viên có thể vận dụng kiến thức của môn học để ứng dụng trong quy hoạch đất đai.

18. Trắc địa cơ sở

3 TC

Học phần trình bày những kiến thức cơ bản trong trắc địa như: Các hệ tọa độ

dùng trong trắc địa, các mặt thủy chuẩn, góc phương vị, hai bài toán trắc địa, sai số đo, tiêu chuẩn đánh giá độ chính xác; Các kiến thức về máy móc, trang thiết bị đo; Các phương pháp đo và tính toán các trị đo góc, cạnh, chênh cao; Các kiến thức cơ bản về lưới khống chế trắc địa; Thiết kế, đo đạc và tính toán bình sai lưới thủy chuẩn hạng III, hạng IV và kỹ thuật; Thành lập bản đồ địa hình bằng phương pháp toàn đạc, phương pháp GNSS.

19. Đo đạc địa chính

3 TC

Học phần trình bày những kiến thức cơ bản về địa chính, các chức năng nhiệm vụ của địa chính; hệ thống địa chính Việt Nam và các khái niệm về bản đồ địa chính; Quy trình thành lập bản đồ địa chính bằng phương pháp toàn đạc và thành lập bản đồ địa chính từ ảnh hàng không; Nội dung cần thể hiện trên bản đồ địa chính.

20. Bản đồ học

2 TC

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về những vấn đề cơ bản của bản đồ học, khái niệm, nội dung, phân loại và quy trình sản xuất bản đồ, phương pháp thành lập và sử dụng bản đồ giúp sinh viên có thể vận dụng lý thuyết vào việc thiết kế và thành lập các bản đồ.

21. Thực tập Trắc địa cơ sở

2 TC

Học phần giúp sinh viên áp dụng lý thuyết của các môn học cơ bản trong kiến thức về ngành vào thực tiễn như công tác khảo sát, thiết kế, triển khai đo đạc và tính toán bình sai các mạng lưới khống chế giải tích, lưới đo vẽ, lưới thủy chuẩn hạng IV và lưới thủy chuẩn kỹ thuật.

22. Thực tập đo đạc địa chính

3 TC

Học phần giúp sinh viên áp dụng lý thuyết của các môn học cơ bản trong kiến thức về ngành vào thực tiễn như công tác khảo sát, thiết kế, triển khai đo đạc, tính toán bình sai lưới khống chế mặt bằng, đo vẽ chi tiết địa vật, biên tập bản đồ số bản đồ địa chính tỷ lệ, kiểm tra nghiệm thu và giao nộp thành quả.

23. Tiếng anh chuyên ngành

3 TC

Học phần cung cấp kiến thức chuyên ngành ở mức có thể đọc hiểu và viết, dịch được các chủ đề chính trong công việc ngành quản lý đất đai; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống trong quản lý đất đai thường gặp; có kỹ năng lập kế hoạch, lập các văn bản hành chính, trình bày ý kiến liên quan đến công tác quản lý đất đai.

24. Khoa học đất**3 TC**

Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống cơ sở lý thuyết về thành phần vô cơ, thành phần hữu cơ trong đất. Bên cạnh đó, cung cấp lý thuyết về keo đất và khả năng hấp phụ của đất, dung dịch đất

25. Đánh giá đất**2 TC**

Học phần Đánh giá đất cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về điều tra, đánh giá đất đai; Điều tra, phân hạng đất nông nghiệp; Điều tra, đánh giá chất lượng đất và tiềm năng đất đai; Điều tra, đánh giá ô nhiễm đất; từ đó, có phương án sử dụng đất hợp lý, hiệu quả, hướng đến sử dụng đất bền vững.

26. Quản lý Nhà nước về đất đai**2 TC**

Học phần Quản lý Nhà nước về đất đai cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Nhà nước và Bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam, Đại cương Quản lý Nhà nước về đất đai, Nội dung Quản lý Nhà nước về đất đạigiúp sinh viên có cái nhìn toàn diện và có kỹ năng đề nghiên cứu Quản lý Nhà nước về đất đai.

27. Chính sách đất đai**3 TC**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một số vấn đề chung về pháp luật đất đai; chính sách quản lý Nhà nước về đất đai; chính sách sử dụng các loại đất; quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất.

28. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội**2 TC**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về phát triển kinh tế xã hội, hiểu được mối quan hệ biện chứng về các nhân tố tác động tới sự phát triển kinh tế xã hội của một huyện, tỉnh, vùng, quốc gia. Vận dụng được kiến thức về phát triển kinh tế, xã hội có liên quan và kiến thức cơ bản các học phần đã học để giải quyết được tình huống quy hoạch ngành, lĩnh vực chủ yếu.

29. Quy hoạch đô thị**2 TC**

Học phần Quy hoạch đô thị cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản về đô thị, quá trình phát triển của đô thị, quy hoạch chung xây dựng đô thị, quy hoạch các khu chức năng trong đô thị, thiết kế quy hoạch chi tiết các khu chức năng trong đô thị

30. Quy hoạch sử dụng đất**3 TC**

Học phần quy hoạch sử dụng đất cung cấp cho người học kiến thức về một số vấn đề chung về đất đai, sử dụng đất đai và quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch sử dụng đất ở Việt Nam, quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, huyện, từ đó xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất.

31. Giao đất và thu hồi đất**3 TC**

Học phần Giao đất và thu hồi đất là một trong những học phần bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Quản lý Đất đai. Đây là học phần nhằm nghiên cứu chuyên sâu về các nội dung: (1) Nhà nước giao đất, (2) Nhà nước cho thuê đất, (3) Chuyển mục đích sử dụng đất, (4) Nhà nước thu hồi đất. Học phần Giao đất cung cấp cho sinh viên một số quy định về giao đất, cho thuê đất. của Nhà nước đang áp dụng. Đồng thời học phần còn cung cấp một số quy định về thu hồi, bồi thường khi Nhà nước tiến hành thu hồi đất của các đối tượng sử dụng đất.

32. Sử dụng đất và kinh tế đất

2 TC

Học phần đưa ra các vấn đề tổng quan về sử dụng đất, tổng quan về kinh tế đất; các vấn đề về bản chất địa tô, địa tô chênh lệch, địa tô tuyệt đối; Lợi thế so sánh và chi phí cơ hội trong kinh tế tài nguyên đất, Phân tích hiệu quả sử dụng đất khi tiến hành các dự án đầu tư trong sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là hiệu quả kinh tế.

33. Định giá đất

2 TC

Học phần giới thiệu các kiến thức cơ bản về nguyên tắc, cơ sở phương pháp luận của giá đất, phương pháp định giá đất nói chung và định giá đất phi nông nghiệp, định giá đất nông nghiệp nói riêng. Học phần cũng trình bày một số kiến thức cơ bản về quy trình xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất, định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

34. Kỹ năng nghề nghiệp trong Quản lý đất đai

2 TC

Kỹ năng nghề nghiệp trong Quản lý đất đai là một học phần bắt buộc trong khối kiến thức và chuyên ngành, cung cấp cho sinh viên một số các kỹ năng như: kỹ năng điều tra, thu thập và xử lý số liệu; kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định; kỹ năng tiếp dân và giải quyết mâu thuẫn; kỹ năng quản lý thông tin; kỹ năng tư vấn pháp luật; kỹ năng tổ chức công việc và quản lý thời gian; kỹ năng lãnh đạo. Người học có thể vận dụng các kỹ năng nghề nghiệp trong Quản lý đất đai để quản lý và tổ chức thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực quản lý đất đai.

35. Cơ sở dữ liệu đất đai

3 TC

Cơ sở dữ liệu đất đai là một học phần bắt buộc trong khối kiến thức ngành, trang bị cho học viên những kiến thức chung về cơ sở dữ liệu, cơ sở dữ liệu đất đai đất đai; hệ quản trị cơ sở dữ liệu, ngôn ngữ truy vấn SQL và sử dụng các lệnh cơ bản của hệ quản trị cơ sở dữ liệu. Đồng thời cũng nắm vững được nội dung, quy trình xây dựng và cách quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu đất đai. Đồng thời có thể tự thiết kế các mô hình cơ sở dữ liệu phục vụ cho ngành quản lý, tổ chức và quản lý tốt các dữ liệu nói chung và dữ

liệu đất đai nói riêng trên các phần mềm quản trị cơ sở dữ liệu và phần mềm chuyên ngành.

36. Tin học ứng dụng trong quản lý đất đai 1

3 TC

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về bản đồ số, quy trình thành lập bản đồ số bằng hệ thống phần mềm và các modul chạy trên nền của phần mềm MicroStation, TK Tool. Làm quen với việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và sử dụng đất đai.

37. Hướng dẫn khởi nghiệp

2 TC

Những vấn đề cơ bản về khởi nghiệp; Thành lập doanh nghiệp và các thủ tục liên quan; Một số lĩnh vực kinh doanh trong ngành quản lý đất đai và quản lý đất đai.

38. Kiến tập nghề nghiệp

1 TC

Học phần Kiến tập nghề nghiệp giúp sinh viên tham quan, tìm hiểu môi trường làm việc thực tế ở các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp ở các địa phương hay các doanh nghiệp trong lĩnh vực quản lý đất đai. Qua đó, sinh viên sẽ được quan sát, học hỏi các kỹ năng chuyên môn cũng như các kỹ năng nghề nghiệp, làm quen với văn hóa công sở, doanh nghiệp, đồng thời có cái nhìn cụ thể hơn về con đường và trách nhiệm nghề nghiệp. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên tự định hướng được con đường nghề nghiệp cũng như môi trường làm việc của mình sau khi ra trường, thực hành các kỹ năng mềm, tác phong và thái độ hành xử chuyên nghiệp để có thể thích nghi, giao tiếp và làm việc trong môi trường Nhà nước hoặc doanh nghiệp.

39. Quản lý thị trường bất động sản

2 TC

Quản lý thị trường bất động sản là một trong những học phần kiến thức ngành tự chọn của ngành đào tạo Quản lý đất đai, trang bị cho sinh viên những kiến thức về bất động sản, thị trường bất động sản, kinh doanh bất động sản; Phân tích được khái niệm, đặc điểm của bất động sản, thị trường bất động sản; Lựa chọn phương pháp định giá bất động sản phù hợp; Vận dụng các nguyên tắc, điều kiện vào kinh doanh bất động sản có sẵn, bất động hình thành trong tương lai và kinh doanh dịch vụ bất động sản; Tổng hợp và đánh giá được thực tế vai trò điều tiết của nhà nước đối với thị trường bất động sản và những phương hướng nhằm phát triển thị trường bất động sản theo hướng bền vững.

40. Dịch vụ công về đất đai

2 TC

Học phần Dịch vụ công về đất đai bao gồm: Những vấn đề chung về dịch vụ công và tổ chức quản lý các hoạt động cung ứng dịch vụ công; những vấn đề cơ bản về dịch vụ công đất đai (khái niệm, đặc trưng, phân loại...); chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn,

cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động của các tổ chức dịch vụ công về đất đai.

41. Quản lý và sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu **2 TC**

Học phần Quản lý và sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu là học phần bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở ngành của ngành Quản lý đất đai. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về biến đổi khí hậu; tác động và hậu quả của biến đổi khí hậu đến đất đai và sử dụng đất; đồng thời đề xuất các giải pháp quản lý và sử dụng bền vững tài nguyên đất đai ứng phó với biến đổi khí hậu.

42. Quản lý tài nguyên môi trường **2 TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm 3 chương. Chương 1 nhằm giới thiệu tới người học các kiến thức cơ bản về tài nguyên và môi trường. Chương 2 tập trung vào các nhóm công cụ quản lý tài nguyên và môi trường chính đang được sử dụng trong nước như công cụ pháp lý, công cụ kinh tế, công cụ kỹ thuật và công cụ phụ trợ. Chương 3 hướng dẫn việc áp dụng các công cụ quản lý tài nguyên và môi trường trong quản lý một số đối tượng tài nguyên và thành phần môi trường cụ thể.

43. Chính sách nhà ở **2 TC**

Học phần Chính sách nhà ở là một trong những môn học chuyên ngành, trang bị cho sinh viên những kiến thức: chính sách pháp Luật về xây dựng, chính sách pháp Luật về nhà ở.

44. Hệ thống thông tin đất đai **2 TC**

Hệ thống thông tin đất đai là một học phần tự chọn trong khối kiến thức ngành, trang bị cho sinh viên kiến thức về hệ thống thông tin đất, các thuật ngữ, các mô hình (dữ liệu thuộc tính, đồ họa), hệ quản trị cơ sở dữ liệu và công cụ giúp xây dựng hệ thống thông tin đất đai.

45. Thống kê đất đai **2 TC**

Học phần thống kê đất đai là học phần trong khối kiến thức chuyên ngành, trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan về nguyên lý thống kê như khái niệm, điều tra thống kê, tổng hợp, phân tích và dự báo thống kê, chỉ tiêu hiện tượng kinh tế xã hội; Những quy định chung về thống kê, kiểm kê đất đai như mục đích, nguyên tắc, kết quả thống kê, kiểm kê đất đai; Các chỉ tiêu đất đai theo mục đích sử dụng, chỉ tiêu người sử dụng đất, người được Nhà nước giao quản lý đất; Biểu mẫu thống kê, kiểm kê đất đai; Trình tự thực hiện thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

46. Hóa học đất **2 TC**

Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống cơ sở lý thuyết về thành phần vô cơ, thành phần hữu cơ trong đất. Bên cạnh đó, cung cấp lý thuyết về keo đất và khả năng hấp phụ của đất, dung dịch đất.

47. Quy hoạch nông nghiệp và phát triển nông thôn 2 TC

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được các khái niệm về phát triển và phát triển nông thôn, phát triển bền vững, các đặc trưng của vùng nông thôn và sự cần thiết phải quy hoạch phát triển nông thôn; cơ sở lý luận và cơ sở pháp lý về quy hoạch nông nghiệp; thực trạng và định hướng, giải pháp phát triển nông nghiệp Việt Nam hiện nay; các vấn đề và các quan điểm về phát triển nông thôn, các nội dung trong quy hoạch phát triển nông thôn, các nội dung trong quy hoạch nông thôn mới.

48.Đánh giá tác động môi trường 2 TC

Học phần Đánh giá tác động môi trường là một trong số những học phần tự chọn, nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môi trường và đánh giá tác động môi trường như: các thành phần môi trường, phân biệt được các hình thức, đối tượng cần thực hiện đánh giá tác động môi trường. Bên cạnh đó sinh viên sẽ hiểu được tiến trình và một số phương pháp cơ bản trong quá trình đánh giá tác động môi trường.

49.Quy hoạch cảnh quan 2 TC

Học phần Quy hoạch cảnh quan cung cấp cho sinh viên những kiến thức về: Một số nội dung cơ bản về quy hoạch cảnh quan, Những vấn đề chung về quy hoạch cảnh quan và Quy hoạch không gian cảnh quan khu trung tâm.

50.Cơ sở viễn thám 2 TC

Cơ sở viễn thám là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nguyên lý, đặc điểm và khả năng ứng dụng của các loại ảnh vệ tinh, các bước trong quá trình xử lý ảnh vệ tinh quang học. Học xong học phần này, người học sẽ có nền tảng vững chắc hỗ trợ cho các học phần chuyên ngành trong lĩnh vực quản lý đất đai.

51. Đăng ký đất đai 3 TC

Học phần Đăng ký đất đai là một trong các học phần thuộc khối kiến thức ngành có tính bắt buộc đối với sinh viên ngành Quản lý đất đai. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về đăng ký đất đai; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; hồ sơ địa chính. Học phần này có mối

quan hệ chặt chẽ với các học phần Chính sách đất đai, Thống kê đất đai, Giao đất và thu hồi đất, Tài chính đất đai, Tin học ứng dụng trong quản lý đất đai 1 và Tin học ứng dụng trong quản lý đất đai 2.

52. Tài chính đất đai

2 TC

Học phần Tài chính đất đai là học phần kiến thức chuyên ngành. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức các kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận về tài chính đất đai và quy định các khoản thu tài chính từ đất đai như: tiền sử dụng đất; tiền thuê đất; tiền thu từ xử phạt vi phạm pháp luật về đất đai; phí và lệ phí và các loại thuế liên quan đến đất đai... Từ đó tổng hợp các kiến thức để xác định các loại nghĩa vụ tài chính trong công tác quản lý và sử dụng đất đai.

53. Thanh tra đất đai và xây dựng

2 TC

Học phần Thanh tra đất đai và xây dựng là môn học chuyên ngành, trang bị cho sinh viên những hiểu biết có bản nhất về công tác thanh tra, giải quyết tranh chấp đất đai, khiếu nại, tố cáo về đất đai, xây dựng và nhà ở. Học phần được bố trí thành 5 chương: Một số vấn đề chung về thanh tra; thanh tra, kiểm tra, quản lý và sử dụng đất đai, xây dựng, nhà ở ; xử lý vi phạm pháp Luật đất đai, xây dựng, nhà ở; giải quyết tranh chấp đất đai, xây dựng, nhà ở ; giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai, xây dựng, nhà ở.

54. Tin học ứng dụng trong quản lý đất đai

3 TC

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cách cài đặt phần mềm, thiết lập hệ thống, kê khai đăng ký, cấp giấy chứng nhận, quản lý biến động, quản lý hồ sơ địa chính và quản lý hồ sơ quét trên phần mềm VILIS 2.0.

55. Thực tập Quy hoạch sử dụng đất

3 TC

Đây là học phần thực hành mang tính chất tổng hợp. Giúp sinh viên tổng hợp, vận dụng kiến thức đã học vào thực hành tay nghề chuyên môn về quy hoạch sử dụng đất. Học phần gồm những nội dung chính sau: Tập hợp thông tin, số liệu, tài liệu; nhận xét đánh giá tài liệu, số liệu. Xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất. Xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất, bản đồ quy hoạch sử dụng đất. Viết báo cáo tổng hợp, hoàn thiện tài liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

56. Thực tập đăng ký, thống kê đất đai

3 TC

Học phần Thực tập đăng ký, thống kê đất đai giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học của các học phần chính sách đất đai, thống kê đất đai và đăng ký đất đai để tổ chức thực hiện các nghiệp vụ về đăng ký, cấp giấy chứng nhận; lập và chỉnh lý các tài

liệu trong hồ sơ địa chính; thống kê, kiểm kê đất đai. Học phần có các nội dung cơ bản như sau: thu thập, tổng hợp, đánh giá các tài liệu, số liệu tại địa phương (đăng ký, cấp giấy chứng nhận lần đầu; đăng ký biến động đất đai; các tài liệu trong hồ sơ địa chính; báo cáo và biểu mẫu thống kê, kiểm kê đất đai) để lập hồ sơ đăng ký, cấp giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký biến động đất đai; Lập và chỉnh lý được các loại tài liệu trong hồ sơ địa chính; Lập được các biểu mẫu thống kê, kiểm kê đất đai; Viết báo cáo tổng hợp kết quả thực tập.

57. Thực tập tin học ứng dụng trong quản lý đất đai

2 TC

Học phần thực tập tin học ứng dụng trong quản lý đất đai cung cấp cho sinh viên những kỹ năng về việc thực hiện quy trình tiến hành thành lập bản đồ số nói chung và bản đồ hiện trạng sử dụng đất, Kê khai đăng ký Hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận trên phần mềm VILIS 2.0, Quản lý biến động trên phần mềm VILIS 2, Quản lý hồ sơ địa chính trên phần mềm VILIS 2.0.

58. Quản lý xây dựng

2 TC

Quản lý xây dựng là một học phần tự chọn trong khối kiến thức ngành, trang bị cho học viên những kiến thức chung về quản lý dự án xây dựng, quản lý xây dựng nhà ở riêng lẻ và những quy định chung của pháp luật về nhà ở và pháp luật về xây dựng. Sinh viên sau khi học xong học phần có kỹ năng quản lý dự án xây dựng và thực hiện trình tự, thủ tục cấp giấy phép xây dựng đối với những công trình yêu cầu phải cấp giấy phép xây dựng. Đồng thời, sinh viên có kỹ năng xử lý xử phạt hành chính đối với những hoạt động xây dựng trái pháp luật.

59. Lập và quản lý dự án đầu tư bất động sản

2 TC

Học phần lập và quản lý dự án đầu tư bất động sản là học phần kiến thức cơ sở ngành. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về lập và quản lý dự án đầu tư bất động sản, nắm bắt được những kiến thức cơ bản về lập quản lý dự án, phân tích được những vấn đề quan trọng nhất của công tác quản lý dự án đầu tư đối với lĩnh vực đất đai. Vận dụng các kiến thức để phân tích và đánh giá xây dựng được quy trình lập và quản lý dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai; các loại hình lập và quản lý dự án đầu tư bất động sản. Sinh viên thành thạo trong việc đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả trong công tác lập và quản lý dự án bất động sản nói riêng và quản lý Nhà nước về đất đai nói chung tại địa phương.

60. Kinh doanh bất động sản

2 TC

Học phần Kinh doanh bất động sản cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng về kinh doanh bất động sản; kinh doanh bất động sản có sẵn; kinh doanh bất động sản hình thành trong tương lai và kinh doanh dịch vụ bất động sản. Học phần giúp sinh viên có cái nhìn toàn diện và có kỹ năng để nghiên cứu các quy định, các văn bản pháp lý về kinh doanh bất động sản. Học phần sẽ giới thiệu cho sinh viên một số văn bản sử dụng trong kinh doanh bất động sản sau này.

61. Thực tập Định giá đất

3 TC

Học phần Thực tập Định giá đất giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học của học phần định giá đất để tổ chức thực hiện các nghiệp vụ định giá đất đai.

62. Thực tập tài chính đất đai

3 TC

Học phần Thực tập tài chính đất đai gồm các nội dung cơ bản như sau: Phổ biến mục đích, yêu cầu, nội quy và quy chế thực tập; Phân công tổ chức thực tập và giao nhiệm vụ cho nhóm, các thành viên trong nhóm; Hướng dẫn các nhóm thu thập, đánh giá, tổng hợp các tài liệu liên quan đến vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; các biểu mẫu để lập hồ sơ xin giao đất, thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; Lập hồ sơ khai thuế sử dụng đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp; Kiểm tra, nghiệm thu thành quả thực tập.

63. Thực tập thanh tra đất đai và xây dựng

3 TC

Học phần Thực tập thanh tra đất đai và xây dựng là môn học chuyên ngành, giúp cho người học vận dụng được những kiến thức đã học để thực hiện việc thanh tra, kiểm tra công tác quản lý và sử dụng đất đai; thanh tra, kiểm tra công tác xử lý những sai phạm trong sử dụng đất đai, xây dựng và nhà ở; thanh tra, kiểm tra công tác giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai, xây dựng và nhà ở trong thực tiễn. Học phần được bố trí thành các bài thực tập theo ngày trong thời gian 04 tuần.

64. Thực tập tốt nghiệp

6 TC

Thực tập tốt nghiệp là học phần thực hành cuối khoá, mang tính chất tổng hợp. Giúp sinh viên trình bày và giải thích được những kiến thức cơ bản về Quy hoạch sử dụng đất, Đăng ký thông kê đất đai, Thanh tra đất đai, Định giá đất từ đó phân tích, đánh giá, tổng hợp và vận dụng kiến thức đã học vào rèn luyện tay nghề chuyên môn về Quy hoạch sử dụng đất, Đăng ký thông kê đất đai, Thanh tra đất đai, Định giá đất. Sinh viên nghiên cứu lựa chọn chuyên đề theo hướng dẫn của khoa.

65. Khoá luận tốt nghiệp

6TC

Đây là khoá luận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện làm khoá luận tốt nghiệp. Giúp sinh viên tổng hợp, vận dụng kiến thức đã học và những kiến thức thực tế trong các lĩnh vực quản lý đất đai để nghiên cứu một đề tài và viết báo cáo kết quả nghiên cứu của đề tài đó theo đề cương nghiên cứu và đạt được những mục tiêu đã đặt ra đối với đề tài. Sinh viên sẽ bảo vệ kết quả nghiên cứu đề tài đó trước hội theo quy định của nhà trường và khoa.

66. Bảo vệ tài nguyên đất

2 TC

Học phần Bảo vệ tài nguyên đất là học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp nhằm bổ trợ các cơ sở lý thuyết căn bản về các quá trình thoái hóa đất và kỹ thuật bảo vệ tài nguyên đất. Nội dung chính của học phần gồm tổng quan thực trạng tài nguyên đất thế giới và Việt Nam; các quá trình thoái hóa đất; các kỹ thuật bảo vệ tài nguyên đất.

67. Công nghệ chuyển đổi số trong quản lý đất đai

2 TC

Công nghệ chuyển đổi số trong quản lý đất đai là một học phần trong các môn thay thế khóa luận tốt nghiệp thuộc khối kiến thức thực tập, khóa luận tốt nghiệp, trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chuyển đổi số, định hướng nghề nghiệp, cách tiếp cận thế giới và định hướng chuyển đổi số của ngành quản lý đất đai. Đồng thời tìm hiểu chương trình chuyển đổi số tài nguyên và môi trường đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Nắm vững những quy trình cụ thể đang được áp dụng trong chuyển đổi số đối với công tác quản lý nhà nước.

68. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai

2 TC

Học phần Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai là học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp, cung cấp cho sinh viên những kiến thức: giải quyết tranh chấp đất đai; giải quyết khiếu nại, tố cáo các vi phạm pháp luật về đất đai.

3.7. Thông tin về các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình

3.7.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

a. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

** Tại trụ sở chính Hà Nội*

Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị (bao gồm cả hệ thống chiếu sáng, thông gió, an toàn ...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Về phòng làm việc, trường có 01 tòa nhà hành chính 05 tầng (nhà C) và 01 tòa nhà hiệu bộ 07 tầng (nhà B) là nơi làm việc của Ban giám hiệu, các phòng ban, các văn

phòng khoa và bộ môn. Phòng học của trường hiện có ở cả 2 cơ sở với tổng số phòng là 212 phòng học các loại, trong đó: Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ số lượng là 03, 06 phòng học từ 100-200 chỗ, 136 phòng học từ 50-100 chỗ, 09 phòng học dưới 50 chỗ, 58 phòng học đa phương tiện đáp ứng đầy đủ về nhu cầu của việc giảng dạy và học tập, các phòng có đầy đủ các thiết bị chiếu sáng, quạt, các thiết bị an toàn như: aptomat ngắt điện, hệ thống cứu hỏa.

** Tại phân hiệu Thanh Hóa*

Phân hiệu có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị (bao gồm cả hệ thống chiếu sáng, thông gió, an toàn ...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Về phòng làm việc, phân hiệu có 02 tòa nhà hành chính 02 tầng (nhà D) và 01 dãy nhà C là nơi làm việc của Ban giám đốc, các phòng ban, các văn phòng khoa và bộ môn. Phòng học của trường hiện có tổng số phòng là 24 phòng học, trong đó 2 phòng A4 (100,6m²), 2 phòng A5 (100,6m²), 3 phòng B1 (190,8m²), 3 phòng B2 (190,8m²), 3 phòng B4 (190,8m²), 3 phòng B5 (190,8 m²), 4 phòng H1 (344,52m²), 6 phòng H2 (392m²), 1 hội trường (243m²). Các phòng học đa phương tiện đáp ứng đầy đủ về nhu cầu của việc giảng dạy và học tập, các phòng có đầy đủ các thiết bị chiếu sáng, quạt, các thiết bị an toàn như: aptomat ngắt điện, hệ thống cứu hỏa.

b. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành

Để phục vụ đào tạo, GV và SV được sử dụng máy tính trong các giờ của các học phần về Tin học ứng dụng trên phòng máy theo sự quản lý của Trung tâm Thư viện và CNTT, các phòng máy phục vụ cho ngành kỹ thuật Trắc địa bản đồ tại trụ sở chính gồm: phòng A901 (86,6m²), A704 (86,6m²), A701 (86,6m²) và phân hiệu Thanh Hóa gồm C3(61,6m²), H6(128,1m²). Các phòng máy được đầu tư trang thiết bị hiện đại, có hệ thống bàn học, ghế, các thiết bị hỗ trợ, thiết bị kết nối mạng, hệ thống chiếu sáng, làm mát, thông gió, aptomat, an toàn, hệ thống chữa cháy hiện đại, các máy tính được cài một số phần mềm phục vụ đào tạo của ngành như ENVL, AnGIS, MicroStation ... đáp ứng và phục vụ tốt nhu cầu đào tạo của ngành Quản lý đất đai

c. Thông tin Thư viện

Thư viện trường được bố trí với tổng diện tích là 892.0m² (tại trụ sở chính Hà Nội) và thư viện Phân hiệu của dãy (H6) được bố trí với tổng diện tích là 128,1m² với

các phòng chức năng như phòng đọc, phòng tra cứu điện tử và sinh hoạt chuyên môn, phòng nghiệp vụ mượn – trả, kho sách.

Phần mềm Thư viện số (<http://lib.hunre.edu/index.aspx>) vận hành trên internet cho phép bạn đọc tra cứu tài liệu qua hệ thống mạng, dữ liệu của Thư viện số đa dạng về thể loại tài liệu.

d. Danh mục giáo trình phục vụ đào tạo ngành Quản lý đất đai

STT	Môn học	Tài liệu chính	Tác giả	Các thông tin của tài liệu
1	Triết học Mác - Lê nin	Giáo trình triết học Mác-Lênin (dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị),	Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021)	NXB Chính trị quốc gia sự thật.
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Giáo trình kinh tế chính trị Mác-Lênin (dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021)	NXB Chính trị quốc gia sự thật.
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021)	NXB Chính trị quốc gia sự thật.
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh (dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ giáo dục và đào tạo (2021)	NXB Chính trị quốc gia sự thật.
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021)	NXB Chính trị quốc gia sự thật.
6	Tiếng Anh 1	New Cutting Edge, Elementary	Comyns Carr, J., Cunningham, S., & Moor, P. (2005)	Harlow: Pearson Longman
7	Tiếng Anh 2	New Cutting Edge – Pre-Intermediate	Comyns Carr, J., Cunningham, S., & Moor, P. (2005)	Harlow: Pearson Longman

STT	Môn học	Tài liệu chính	Tác giả	Các thông tin của tài liệu
8	Tiếng Anh 3	New Cutting Edge – Pre-Intermediate	Comyns Carr, J., Cunningham, S., & Moor, P. (2005)	Harlow: Pearson Longman
9	Pháp luật đại cương	Pháp luật đại cương	Lê Minh Toàn (chủ biên) (2015)	NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội
		Tài liệu giảng dạy về phòng, chống tham nhũng dùng cho các trường đại học, cao đẳng không chuyên về luật	Bộ Giáo dục và đào tạo (2014)	(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 3468/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)
		Lý luận Nhà nước và Pháp luật	Nguyễn Minh Đuan (2016)	NXB. Công An Nhân Dân, Hà Nội
10	Tin học đại cương	Giáo trình Tin học đại cương (tập 1,2,3)	Phạm Thị Anh Lê (2014)	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
		Tin học văn phòng Microsoft Office dành cho người bắt đầu	Phạm Quang Huy (2019)	Nhà xuất bản Thanh niên.
		Giáo trình thực hành Excel	Phạm Quang Hiến (2019)	Nhà xuất bản Thanh niên.
11	Kỹ năng mềm	Giáo trình kỹ năng mềm	Bùi Thị Thu (2018)	NXB Xây dựng

STT	Môn học	Tài liệu chính	Tác giả	Các thông tin của tài liệu
12	Phương pháp nghiên cứu khoa học ngành quản lý đất đai	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực tài nguyên và Môi trường	Phạm Quý Nhân (2016)	NXB: Tài nguyên và Môi trường
		Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Vũ Cao Đàm (2006)	NXB: Khoa học và Kỹ thuật
13	Toán cao cấp	Toán học cao cấp (Tập 1,2,3),	Nguyễn Đình Trí (chủ biên) – Tạ Văn Đĩnh – Nguyễn Hồ Quỳnh (2004)	Nhà xuất bản Giáo Dục.
		Bài tập Toán cao cấp	Lê Xuân Hùng- Lê Thị Hương- Nguyễn Ngọc Linh- Đàm Thanh Tuấn (2018)	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
14	Xác suất thống kê	Giáo trình xác suất và thống kê	Phạm Văn Kiều (2000)	NXB Giáo dục
		Xác suất thống kê	Nguyễn Ngọc Linh – Nguyễn Tài Hoa – Mai Ngọc Diệu(2015)	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội
15	Vật lý đại cương	Tập 1: Cơ học và Nhiệt học - Vật lý đại cương các nguyên lý và ứng dụng	Trần Ngọc Hợi, Phạm Ngọc Thiều (2009)	NXB Giáo dục Việt Nam
		Tập 2: Điện, Từ, Dao động và Sóng - Vật lý đại cương các nguyên lý và ứng dụng.	Trần Ngọc Hợi, Phạm Ngọc Thiều (2009)	NXB Giáo dục Việt Nam

STT	Môn học	Tài liệu chính	Tác giả	Các thông tin của tài liệu
		Tập 3: Quang học và Vật lí lượng tử - Vật lí đại cương các nguyên lí và ứng dụng	Trần Ngọc Hợi, Phạm Ngọc Thiều (2009)	NXB Giáo dục Việt Nam
16	Hóa học đại cương	Hóa học đại cương	Lê Ngọc Anh (chủ biên) (2016)	NXB ĐHQG Hà Nội
		Cơ sở lý thuyết Hóa học, Phần II	Nguyễn Hạnh (2012)	NXB Giáo dục Việt Nam
		Cơ sở lý thuyết Hóa học, Phần bài tập	Lê Mậu Quyền (2010)	NXB KH&KT
17	Phong thủy trong quy hoạch đất đai	Phong thủy ứng dụng trong xây dựng và bài trí nhà cửa	Hoàng Tú (2007)	NXB Lao động xã hội.
		Phong thủy thực hành	Tổng Thiệu Quang (2002)	NXB Văn hóa Thông tin
18	Trắc địa cơ sở	Trắc địa cơ sở 1	Nguyễn Bá Dũng (2013)	Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội
		Trắc địa cơ sở 1	Nguyễn Trọng San - Đào Quang Hiếu - Đinh Công Hòa (2009)	NXB giao thông vận tải
		Trắc địa cơ sở 2	Nguyễn Trọng San - Đào Quang Hiếu - Đinh Công Hòa (2009)	NXB giao thông vận tải

STT	Môn học	Tài liệu chính	Tác giả	Các thông tin của tài liệu
19	Đo đạc địa chính	Địa chính đại cương	Nguyễn Bá Dũng và nhóm tác giả (2014)	NXB Lao động
		Đo đạc địa chính	Nguyễn Trọng San (2005)	Đại học Mỏ - Địa chất
20	Bản đồ học	Bản đồ học	Lâm Quang Dốc (1995)	NXB Quốc gia
		Bản đồ học	K. A. Xalisep; Hoàng Phương Nga, Nhữ Thị Xuân dịch; Nguyễn Thơ Các, Vũ Bích Vân (hiệu đính), 2006	NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội
21	Thực tập trắc địa cơ sở	Thực tập trắc địa cơ sở	TS. Nguyễn Xuân Bắc, TS. Bùi Thị Hồng Thắm (2014)	Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội
		Hướng dẫn thực hành Trắc địa đại cương	PGS. TS. Phạm Văn Chuyên (2008)	NXB Giao thông vận tải
		Trắc địa cơ sở, Tập 1	Nguyễn Trọng San - Đào Quang Hiếu - Đinh Công Hòa (2004)	NXB Giao thông vận tải
22	Thực tập đo đạc địa chính	Thực tập đo vẽ bản đồ địa hình, địa chính	Nguyễn Bá Dũng, Đỗ Văn Dương, Đoàn Xuân Hùng, 2016	Đại học Tài nguyên và Môi trường.
		Đo đạc địa chính	Nguyễn Trọng San, 2005	Đại học Mỏ - Địa chất

STT	Môn học	Tài liệu chính	Tác giả	Các thông tin của tài liệu
23	Tiếng anh chuyên ngành	Land Administration	Peter Dale & John McLaughlin, (1999)	Oxford University Press Inc., New York
		English for Land Management	Pham Anh Tuan, Nguyen Thi Hong Hanh, Nguyen Thi Hai Yen, Hoang Thi Tuyet Nhung, Pham Thi Hong Que, (2019)	Hanoi University of Natural Resources and Environment, Vietnam
24	Khoa học đất	Giáo trình thổ nhưỡng học	Nguyễn Hữu Thành, Trần Văn Chính (Chủ biên) (2017)	NXB Đại học Nông nghiệp.
25	Đánh giá đất	Đánh giá đất	Đào Châu Thu, Nguyễn Khang, (1998)	NXB Nông nghiệp;
26	Quản lý nhà nước về đất đai	Giáo trình Quản lý Nhà nước về đất đai	Nguyễn Khắc Thái Sơn (2011)	NXB Nông Nghiệp
		Luật đất đai 2013	Quốc hội Nước cộng hòa XHCN Việt Nam	NXB Lao Động
27	Chính sách đất đai	Giáo trình Luật đất đai	Trần Quang Huy (2018)	NXB Công an nhân dân
		Đổi mới chính sách đất đai ở Việt Nam, từ lý luận đến thực tiễn	Nguyễn Văn Sửu (2010)	NXB Chính trị Quốc gia
28	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội	Giáo trình Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội	Nguyễn Thị Vòng (2008)	NXB: Nông nghiệp

STT	Môn học	Tài liệu chính	Tác giả	Các thông tin của tài liệu
		Giáo trình quy hoạch tổng thể	Nguyễn Hữu Ngữ (2012)	NXB: Đại học Huế
29	Quy hoạch đô thị	Quy hoạch xây dựng phát triển đô thị	Nguyễn Thế Bá (2016)	Nhà xuất bản xây dựng, Hà Nội
30	Quy hoạch sử dụng đất	Giáo trình Quy hoạch sử dụng đất	Đoàn Công Quý (2006)	Nxb Nông nghiệp
		Giáo trình Quy hoạch sử dụng đất	Trần Hữu Viên (2005)	Nxb Nông nghiệp
31	Giao đất và thu hồi đất	Giáo trình Giao đất, thu hồi đất	Phan Thị Thanh Huyền, Phạm Phương Nam (2020)	NXB Học viện Nông nghiệp
		Giáo trình Luật đất đai	Trường Đại học Luật Hà Nội (2016)	NXB Công an nhân dân
		Giáo trình Tài chính đất đai	Nguyễn Thị Khuy, Hoàng Thị Phương Thảo (2019)	NXB Tài nguyên – Môi trường và bản đồ Việt Nam
32	Sử dụng đất và kinh tế đất	Kinh tế đất	Nguyễn Hoàn (2013)	NXB Lao động
		Kinh tế vĩ mô	Đỗ Thị Dinh (2018)	NXB Tài chính
		Kinh tế vi mô	Đỗ Thị Dinh (2018)	NXB Xây dựng
33	Định giá đất	Định giá đất	Phạm Anh Tuấn (2016)	NXB Tài nguyên – Môi trường và bản đồ Việt Nam

STT	Môn học	Tài liệu chính	Tác giả	Các thông tin của tài liệu
		Giáo trình định giá đất	Hồ Thị Lam Trà (2006)	NXB Đại học Nông nghiệp Hà Nội
34	Kỹ năng nghề nghiệp trong quản lý đất đai	Giáo trình kỹ năng mềm	Bùi Thị Thu (2018)	NXB Xây dựng
35	Cơ sở dữ liệu đất đai	Cơ sở dữ liệu đất đai	Lê Thị Giang	NXB Đại học Nông nghiệp 2017
		Hệ thống thông tin đất đai	Phạm Văn Vân	NXB Đại học Nông nghiệp 2010
36	Tin học ứng dụng trong quản lý đất đai 1	Tin học ứng dụng vẽ bản đồ	Trần Quốc Vinh	NXB Nông nghiệp 2016
37	Hướng dẫn khởi nghiệp	Giáo trình khởi sự kinh doanh và tái lập doanh nghiệp	Nguyễn Ngọc Huyền	NXB Đại học kinh tế quốc dân 2016
38	Kiến tập nghề nghiệp	Các giáo trình và Các bài báo khoa học thuộc lĩnh vực quản lý đất đai.		
39	Quản lý thị trường BĐS	Giáo trình Thị trường bất động sản	TS. Trịnh Hữu Liên (2013)	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội
		Giáo trình Thị trường bất động sản,	TS. Nguyễn Minh Hoàng, TS. Phạm Văn Bình (2015)	NXB Tài chính

STT	Môn học	Tài liệu chính	Tác giả	Các thông tin của tài liệu
		Giáo trình Thị trường bất động sản	PGS.TS. Hoàng Văn Cường (2017)	Trường Đại học Kinh tế quốc dân
40	Dịch vụ công về đất đai	Maketing dịch vụ công	Vũ Trí Dũng (2014)	NXB Đại học Kinh tế quốc dân
		Thị trường hàng hóa cung ứng các dịch vụ công tại Việt Nam	Đình Tuấn Minh (2018)	NXB Trí Thức
41	Quản lý và sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu	Khí hậu và biến đổi khí hậu	Thái Thị Thanh Minh (2016)	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội
		Quản lý sử dụng bền vững tài nguyên đất đai ứng phó với biến đổi khí hậu	Nguyễn Đình Bồng (2013)	NXB chính trị Quốc Gia
42	Quản lý tài nguyên môi trường	Quản lý tài nguyên và môi trường	Nguyễn Ngọc Dung (2008)	NXB Xây Dựng
		Cẩm nang quản lý môi trường	Lưu Đức Hải (2010)	NXB Giáo Dục
		Giáo trình Quản lý môi trường	Hoàng Anh Huy (2014)	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội
		Giáo trình truyền thông về tài nguyên và môi trường	Nguyễn Thị Hồng Hạnh (2020)	NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ

STT	Môn học	Tài liệu chính	Tác giả	Các thông tin của tài liệu
43	Chính sách nhà ở	Luật Xây dựng sửa đổi bổ sung năm 2020	Quốc hội nước CHXHCNVN (2020)	NXB Lao động
		Luật nhà ở và văn bản hướng dẫn thi hành	Quốc hội nước CHXHCNVN(2014)	NXB Lao động
44	Hệ thống thông tin đất đai	Giáo trình Hệ thống thông tin đất	Trần Quốc Vinh, Đào Mạnh Hồng (2013)	Nhà xuất bản Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội
45	Thống kê đất đai	Giáo trình Nguyên lý thống kê kinh tế	Phạm Ngọc Kiểm, Nguyễn Công Nhự, Trần Thị Bích (2012)	NXB Giáo dục Việt Nam;
		Giáo trình lý thuyết thống kê	Phượng Vũ (2020)	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
46	Hoá học đất	Giáo trình hóa học đất	Nguyễn Hữu Thành, Trần Thị Lệ Hà, 2006	Nhà xuất bản Nông nghiệp.
		Khoáng vật học	Đỗ Thị Vân Thanh, Trịnh Hân, 2011	NXB ĐH Quốc gia
47	Quy hoạch nông nghiệp và phát triển nông thôn	Giáo trình quy hoạch nông nghiệp và phát triển nông thôn	Nguyễn Thị Hải Yến, 2015	trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội
		Giáo trình quy hoạch đô thị và điểm dân cư nông thôn	PGS.TS Vũ Thị Bình, 2008	nhà xuất bản nông nghiệp Hà Nội

STT	Môn học	Tài liệu chính	Tác giả	Các thông tin của tài liệu
48	Đánh giá tác động môi trường	Cơ sở khoa học môi trường	Lưu Đức Hải (2008)	NXB ĐHQG Hà Nội
		Giáo trình Đánh giá tác động môi trường (hệ đại học)	Hoàng Ngọc Khắc, Nguyễn Khắc Thành, Vũ Văn Doanh (2014),	Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội
		Luật bảo vệ môi trường số: 72/2020/QH14	Quốc hội nước CHXHCNVN(2020)	
49	Quy hoạch cảnh quan	Kiến Trúc cảnh quan	Hàn Tất Ngạn, 2014	NXB Xây dựng, Hà Nội.
50	Cơ sở viễn thám	Cơ sở viễn thám	Vũ Danh Tuyên, Trịnh Lê Hùng, Phạm Thị Thương Huyền, 2017	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.
		Ứng dụng công nghệ viễn thám trong nghiên cứu, giám sát tài nguyên môi trường	Trịnh Lê Hùng, Vũ Danh Tuyên, 2016	Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật
51	Đăng ký đất đai	Luật Đất đai	Nước cộng hòa XHCN Việt Nam (2013)	NXB Lao động
		Giáo trình Luật đất đai	Trường Đại học Luật Hà Nội (2018)	Nhà xuất bản Công an nhân dân
		Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai	Tổng cục Quản lý đất đai (2020)	NXB Lao động

STT	Môn học	Tài liệu chính	Tác giả	Các thông tin của tài liệu
52	Tài chính đất đai	Giáo trình Tài chính đất đai	Nguyễn Thị Khuy, Hoàng Thị Phương Thảo, Bùi Thị Then (2019)	NXB Tài nguyên – Môi trường và bản đồ Việt Nam
53	Thanh tra đất đai và xây dựng	Giáo trình thanh tra đất đai	Trịnh Hữu Liên và cộng sự (2015)	NXB Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội
		Giáo trình thanh tra đất	TS. Đỗ Thị Đức Hạnh, ThS Hoàng Anh Đức (2011)	NXB Nông nghiệp
54	Tin học ứng dụng trong quản lý đất đai 2	Giáo trình đăng ký và thống kê đất đai	Thái Thị Quỳnh Như, Th.S. Vũ Lệ Hà (2013)	NXB Trường Đại học tài nguyên và Môi trường Hà Nội 2013
55	Thực tập Quy hoạch sử dụng đất	Giáo trình Quy hoạch sử dụng đất	Đoàn công Quỳ, 2006	NXB Nông nghiệp
		Giáo trình Quy hoạch sử dụng đất	Trần Hữu Viên, 2005	NXB Nông nghiệp
56	Thực tập đăng ký thống kê đất đai	Giáo trình Luật đất đai	Trường Đại học Luật Hà Nội (2018)	Nhà xuất bản Công an nhân dân
		Luật Đất đai, Luật Nhà ở và hồi đáp về đất đai, nhà	Quý Lâm (2018)	NXB Lao động
		Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai	Vụ Chính sách và Pháp chế - Tổng cục Quản lý đất đai (2020)	NXB Lao động

STT	Môn học	Tài liệu chính	Tác giả	Các thông tin của tài liệu
57	Thực tập tin học ứng dụng trong Quản lý đất đai	Giáo trình đăng ký và thống kê đất đai	Thái Thị Quỳnh Như, Vũ Lệ Hà (2013)	NXB Trường Đại học tài nguyên và Môi trường Hà Nội 2013
		Hướng dẫn cài đặt hệ thống	Trung tâm ứng dụng và phát triển công nghệ địa chính	Tổng cục quản lý đất đai
58	Quản lý xây dựng	Quản lý dự án	Từ Quang Phương	NXB Đại học kinh tế quốc dân 2014
59	Lập và quản lý dự án đầu tư bất động sản	Lập dự án đầu tư	Nguyễn Bạch Nguyệt (2013)	NXB Đại học kinh tế quốc dân 2013
		Quản lý dự án đầu tư	Từ Quang Phương (2014)	NXB Lao động - Xã hội
60	Kinh doanh bất động sản	Giáo trình Thị trường bất động sản	TS. Trịnh Hữu Liên, 2013	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội
		Luật Kinh doanh bất động sản	Quốc hội nước CHXHCNVN (2018)	NXB Chính trị Quốc gia
61	Thực tập định giá đất	Giáo trình định giá đất	Phạm Anh Tuấn (2016)	Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội
		Giáo trình định giá đất	Hồ Thị Lam Trà (2006)	NXB Đại học Nông nghiệp Hà Nội

STT	Môn học	Tài liệu chính	Tác giả	Các thông tin của tài liệu
62	Thực tập tài chính đất đai	Giáo trình Tài chính đất đai	Nguyễn Thị Khuy, Hoàng Thị Phương Thảo, Bùi Thị Then, Nguyễn Văn Bài (2019)	NXB Tài nguyên – Môi trường và bản đồ Việt Nam
63	Thực tập thanh tra đất đai và xây dựng	Giáo trình thanh tra đất đai	Trịnh Hữu Liên, Phạm Anh Tuấn (2013)	NXB Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội
		Giáo trình thanh tra đất đai	. Đỗ Thị Đức Hạnh (2011)	NXB Nông nghiệp
64	Bảo vệ tài nguyên đất	Bảo vệ và phục hồi tài nguyên đất	Dương Đăng Khôi, 2016	NXB Tài nguyên và môi trường Hà Nội
65	Công nghệ chuyển đổi số trong quản lý đất đai	Việt Nam thời chuyển đổi số	Think Tank Vinasa (2019)	Nhà xuất bản Thế Giới 2019
66	Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai	Giáo trình thanh tra đất đai	Trịnh Hữu Liên và cộng sự (2015)	NXB Khoa học và Kỹ thuật
		Giáo trình Thanh tra đất	TS. Đỗ Thị Đức Hạnh, ThS. Hoàng Anh Đức (2011)	NXB Nông nghiệp

3.7.2. Danh sách giảng viên tham gia thực hiện chương trình

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn		Chức vụ (từ Phó trưởng BM trở lên)	Đơn vị công tác
		Học hàm/ học vị	Chuyên ngành TN		
1.	Phạm Anh Tuấn	Tiến sĩ	Quản lý đất đai	Trưởng khoa	Khoa Quản lý đất đai
2.	Nguyễn Thị Hải Yến	Tiến sĩ	Quản lý đất đai	Phó trưởng khoa	Khoa Quản lý đất đai
3.	Lê Thị Thùy Dung	Tiến sĩ	Triết học	Phó trưởng khoa	Khoa Lý luận chính trị
4.	Trần Lệ Thu	Tiến sĩ	Luật	Phó trưởng khoa	Khoa Lý luận chính trị
5.	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Tiến sĩ	Quản lý đất đai	Phó trưởng khoa	Khoa Quản lý đất đai
6.	Trần Minh Nguyệt	Tiến sĩ	Quản trị nhân lực	Phó Trưởng Khoa	Khoa Kinh tế tài nguyên và môi trường
7.	Nguyễn Bá Dũng	Tiến sĩ	Trắc địa mỏ	Trưởng phòng	Phòng KHCN và HTQT
8.	Đỗ Thị Dinh	Tiến sĩ	Kinh tế phát triển	Trưởng bộ môn	Khoa Kinh tế tài nguyên và môi trường
9.	Dương Đăng Khôi	Tiến sĩ	Khoa học	Trưởng bộ môn	Khoa Quản lý đất đai
10.	Vũ Thị Mạc Dung	Tiến sĩ	Lịch sử	Trưởng bộ môn	Khoa Lý luận chính trị
11.	Lê Ngọc Anh	Tiến sĩ	Hóa học	Phó trưởng khoa	Khoa Khoa học đại cương
12.	Nguyễn Thị Khuy	Tiến sĩ	Quản lý đất đai	Trưởng bộ môn	Khoa Quản lý đất đai
13.	Bùi Thu Phương	Tiến sĩ	Địa lý	Phó trưởng phòng	Phòng Đào tạo
14.	Lương Thanh Thạch	Tiến sĩ	Kỹ thuật Trắc địa bản đồ	Phó trưởng bộ môn	Khoa Trắc địa bản đồ và TT địa lý
15.	Lê Thị Kim Dung	Tiến sĩ	Kỹ thuật	Giảng viên	Khoa Quản lý đất đai
16.	Đào Văn Khánh	Tiến sĩ	Kỹ thuật	Giảng viên	Khoa Quản lý đất đai
17.	Vũ Thị Thu Hà	Tiến sĩ	Hóa học	Phó Trưởng bộ môn	Khoa học Đại cương
18.	Nguyễn Ngọc Thanh	PGS.TS	Kinh tế học	Nguyên Hiệu trưởng	Khoa Lý luận chính trị
19.	Bùi Thị Then	Thạc sĩ	Nông nghiệp	Giảng viên	Khoa Quản lý đất đai
20.	Tăng Thị Thanh Nhân	Thạc sĩ	Địa chính	Giảng viên	Khoa Quản lý đất đai

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn		Chức vụ (từ Phó trưởng BM trở lên)	Đơn vị công tác
		Học hàm/ học vị	Chuyên ngành TN		
21.	Thái Thị Lan Anh	Thạc sĩ	Quản lý đất đai	Giảng viên	Khoa Quản lý đất đai
22.	Phạm Thị Thanh Thủy	Tiến sĩ	Kỹ thuật bản đồ, Viễn thám và hệ thống thông tin địa lý	Giảng viên	Khoa Công nghệ thông tin
23.	Vũ Lệ Hà	Thạc sĩ	Địa chính	Phó trưởng BM	Khoa Quản lý đất đai
24.	Trần Thị Hòa	Thạc sĩ	Quản lý đất đai	Giảng viên	Khoa Quản lý đất đai
25.	Lê Thị Lan	Thạc sĩ	Nông nghiệp	Giảng viên	Khoa Quản lý đất đai
26.	Nguyễn Ngọc Hồng	Thạc sĩ	Quản lý đất đai	Giảng viên	Khoa Quản lý đất đai
27.	Nguyễn Thị Huệ	Thạc sĩ	Kỹ thuật Trắc địa bản đồ	Giảng viên	Khoa Quản lý đất đai
28.	Khuất Thị Nga	Thạc sĩ	Triết học	Giảng viên	Khoa Lý luận chính trị
29.	Nguyễn Thị Nga	Thạc sĩ	Nông nghiệp	Giảng viên	Khoa Quản lý đất đai
30.	Võ Ngọc Hải	Thạc sĩ	Quản lý đất đai	Giảng viên	Khoa Quản lý đất đai
31.	Bùi Nguyễn Thu Hà	Thạc sĩ	Khoa học Đất	Giảng viên	Khoa Quản lý đất đai
32.	Bùi Thị Cẩm Ngọc	Thạc sĩ	Địa chính	Giảng viên	Khoa Quản lý đất đai
33.	Đỗ Như Hiệp	Thạc sĩ	Kỹ thuật	Giảng viên	Khoa Quản lý đất đai
34.	Trần Minh Tiến	Thạc sĩ	Quản lý đất đai	Giảng viên	Khoa Quản lý đất đai
35.	Nguyễn Thị Thu Hương	Thạc sĩ	Quản lý đất đai	Giảng viên	Khoa Quản lý đất đai
36.	Nguyễn Thị Quý	Thạc sĩ	Lịch sử	Giảng viên	Khoa Lý luận chính trị
37.	Mai Ngọc Diệu	Thạc sĩ	Toán học	Giảng viên	Khoa Khoa học đại cương
38.	Trần Thị Thu Trang	Thạc sĩ	Kỹ thuật Trắc địa bản đồ	Giảng viên	Khoa Trắc địa, Bản đồ và Thông tin địa lý
39.	Ninh Thị Kim Anh	Thạc sĩ	Kỹ thuật Trắc địa	Giảng viên	Khoa Trắc địa, Bản đồ và Thông tin địa lý
40.	Nguyễn Ngọc Linh	Thạc sĩ	Toán học	Giảng viên	Khoa Khoa học đại cương
41.	Nguyễn Thị Na	Thạc sĩ	Kinh tế chính trị	Giảng viên	Khoa Lý luận chính trị
42.	Phạm Thị Hồng Quế	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Giảng viên	Bộ môn Ngoại ngữ

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn		Chức vụ (từ Phó trưởng BM trở lên)	Đơn vị công tác
		Học hàm/ học vị	Chuyên ngành TN		
43.	Trần Thị Hương	Thạc sỹ	Hóa học	Giảng viên	Khoa Khoa học đại cương
44.	Lê Thị Hương	Thạc sỹ	Toán tin	Giảng viên	Khoa Khoa học đại cương
45.	Bùi Thị Nha Trang	Thạc sỹ	Hóa học	Giảng viên	Khoa Khoa học đại cương
46.	Đoàn Thị Thanh Huyền	Thạc sỹ	Toán học	Giảng viên	Khoa Khoa học đại cương
47.	Hoàng Diệu Thảo	Thạc sỹ	Chính trị học	Giảng viên	Khoa Lý luận chính trị
48.	Hoàng Thị Phương Thảo	Thạc sỹ	Địa chính	Giảng viên	Khoa Quản lý đất đai
49.	Nguyễn Tiến Dũng	Cử nhân	Sư phạm Toán	Giảng viên	Khoa Khoa học đại cương
50.	Trần Thị Oanh	Thạc sỹ	Quản lý đất đai	Giảng viên	Khoa Quản lý đất đai
51.	Đào Mạnh Hồng	Thạc sỹ	Nông nghiệp	Giảng viên	Khoa Quản lý đất đai
52.	Lưu Thùy Dương	Thạc sỹ	Nông nghiệp	Giảng viên	Khoa Quản lý đất đai
53.	Phạm Thị Mai	Thạc sỹ	Địa lý tự nhiên	Giảng viên	Khoa Quản lý đất đai
54.	Trần Thị Thu Hoài	Thạc sỹ	Quản lý đất đai	Giảng viên	Khoa Quản lý đất đai
55.	Võ Diệu Linh	Thạc sỹ	Quản lý đất đai	Giảng viên	Khoa Quản lý đất đai
56.	Vũ Thị Thu Hiền	Thạc sỹ	Quản lý đất đai	Giảng viên	Khoa Quản lý đất đai
57.	Nguyễn Xuân Thủy	Thạc sỹ	Kỹ thuật trắc địa	Giảng viên	Khoa Trắc địa, bản đồ và Thông tin địa lý
58.	Nguyễn Tài Hoa	Thạc sỹ	Toán học	Giảng viên	Khoa Khoa học đại cương
59.	Nguyễn Thị Bích	Thạc sỹ	Luật kinh tế	Giảng viên	Khoa Lý luận chính trị
60.	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Thạc sỹ	Hóa học	Giảng viên	Khoa Khoa học đại cương
61.	Đỗ Thị Ngân	Thạc sỹ	Kinh tế chính trị	Giảng viên	Khoa Lý luận chính trị
62.	Đinh Thị Như Trang	Thạc sỹ	Kinh tế chính trị	Giảng viên	Khoa Lý luận chính trị
63.	Nguyễn Thị Huyền Thư	Thạc sỹ	Toán học	Giảng viên	Khoa Khoa học đại cương
64.	Đinh Thị Thanh Huyền	Thạc sỹ	Quản lý đất đai	Giảng viên	Khoa Quản lý đất đai

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn		Chức vụ (từ Phó trưởng BM trở lên)	Đơn vị công tác
		Học hàm/ học vị	Chuyên ngành TN		
65.	Nguyễn Thị Thu Hằng	Thạc sỹ	Dạy Tiếng Anh cho người nói ngôn ngữ khác	Giảng viên	Bộ môn Ngoại ngữ
66.	Lê Thị Thu Hà	Thạc sỹ	Kỹ thuật bản đồ, Viễn thám và hệ thống thông tin địa lý	Giảng viên	Khoa Công nghệ thông tin
67.	Đặng Thị Khánh Linh	Thạc sỹ	Kinh tế	Giảng viên	Khoa Công nghệ thông tin
68.	Hoàng Thị Ngọc Minh	Tiến sỹ	Hồ Chí Minh học	Giảng viên	Khoa Lý luận chính trị
69.	Đàm Thanh Tuấn	Thạc sỹ	Toán học	Giảng viên	Khoa Khoa học đại cương
70.	Nguyễn Trọng Trường Sơn	Thạc sỹ	Nông nghiệp	Giảng viên	Khoa Quản lý đất đai
71.	Phạm Thị Thu Hương	Thạc sỹ	Bản đồ, viễn thám và hệ thống TTĐL	Giảng viên	Khoa Trắc địa, bản đồ và Thông tin địa lý
72.	Lê Thị Vui	Thạc sỹ	Khoa học máy tính	Giảng viên	Khoa Công nghệ thông tin
73.	Vũ Hải Hà	Thạc sỹ	Quản lý đất đai	Giảng viên	Khoa Quản lý đất đai
74.	Lê Xuân Tú	Thạc sỹ	Lịch sử	Giảng viên	Khoa Lý luận chính trị
75.	Nguyễn Thị Liên	Tiến sỹ	Lịch sử	Giảng viên	Khoa Lý luận chính trị
76.	Nguyễn Thị Lệ Hằng	Tiến sỹ	Kỹ thuật trắc địa	Giảng viên	Khoa Trắc địa, Bản đồ và Thông tin địa lý
77.	Nguyễn Bích Ngọc	Thạc sỹ	Khoa học môi trường	Giảng viên	Khoa Môi trường
78.	Nguyễn Thị Nguyệt	Thạc sỹ	Lịch sử	Giảng viên	Khoa Lý luận chính trị
79.	Phùng Thị Bích Hằng	Thạc sỹ	Sử học	Giảng viên	Khoa Lý luận chính trị
80.	Đỗ Minh Anh	Thạc sỹ	Triết học	Giảng viên	Khoa Lý luận chính trị
81.	Lê Thanh Thủy	Thạc sỹ	Triết học	Giảng viên	Khoa Lý luận chính trị
82.	Vũ Thị Ánh Tuyết	Thạc sỹ	Quản trị kinh doanh	Giảng viên	Khoa Kinh tế tài nguyên và môi trường
83.	Nguyễn Thị Thanh Mai	Thạc sỹ	Quản trị kinh doanh	Giảng viên	Khoa Kinh tế tài nguyên và môi trường
84.	Ngô Quang Duy	Thạc sỹ	Triết học	Giảng viên	Khoa Lý luận chính trị

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn		Chức vụ (từ Phó trưởng BM trở lên)	Đơn vị công tác
		Học hàm/ học vị	Chuyên ngành TN		
85.	Vương Thị Hòe	Thạc sỹ	Kỹ thuật trắc địa	Giảng viên	Khoa Trắc địa, Bản đồ và Thông tin địa lý
86.	Trần Thị Hương	Thạc sỹ	Hệ thống thông tin	Giảng viên	Khoa Công nghệ thông tin
87.	Vũ Thị Kim Oanh	Thạc sỹ	Kinh tế chính trị	Giảng viên	Khoa Lý luận chính trị
88.	Nguyễn Thị Hồng Loan	Thạc sỹ	Công nghệ thông tin	Phó trưởng bộ môn	Khoa Công nghệ thông tin
89.	Đặng Thu Hằng	Thạc sỹ	Địa lý	Giảng viên	Khoa Quản lý đất đai
90.	Nguyễn Thị Hằng	Thạc sỹ	Quản lý đất đai	Giảng viên	Khoa Quản lý đất đai
91.	Cao Minh Thủy	Kỹ sư	Trắc địa	Giảng viên	Khoa Trắc địa, Bản đồ và Thông tin địa lý
92.	Ngô Thị Mên Thương	Kỹ sư	Trắc địa ứng dụng	Giảng viên	Khoa Trắc địa, Bản đồ và Thông tin địa lý
93.	Hoàng Thị Tuyết Nhung	Thạc sỹ	Giảng dạy tiếng anh cho người nước ngoài	Giảng viên	Bộ môn ngoại ngữ
94.	Phùng Thị Kim Yên	Thạc sỹ	Toán học	Giảng viên	Khoa Khoa học đại cương
95.	Nguyễn Thanh Tùng	Thạc sỹ	Kỹ thuật trắc địa	Trưởng phòng	Phòng thanh tra giáo dục và pháp chế
96.	Nguyễn Thành Tôn	Thạc sỹ	Quản lý đất đai	Giảng viên	Khoa Quản lý đất đai
97.	Bùi Thị Thu Hường	Thạc sỹ	Luật kinh tế	Giảng viên	Khoa Lý luận chính trị
98.	Đào Đình Đức	Thạc sỹ	Quản lý đất đai	Giảng viên	Khoa Quản lý đất đai
99.	Hoàng Phương Anh	Thạc sỹ	Quản lý đất đai	Giảng viên	Khoa Quản lý đất đai
100.	Nguyễn Đình Tuấn Lê	Thạc sỹ	Hồ Chí Minh học	Giảng viên	Khoa Lý luận chính trị
101.	Nguyễn Thị Hiền	Thạc sỹ	Quản lý kinh tế	Giảng viên	Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường
102.	Nguyễn Thị Trang	Thạc sỹ	Toán học	Giảng viên	Khoa Khoa học đại cương
103.	Nguyễn Vân Dung	Thạc sỹ	Kinh tế	Giảng viên	Khoa Kinh tế Tài nguyên và Môi trường

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn		Chức vụ (từ Phó trưởng BM trở lên)	Đơn vị công tác
		Học hàm/ học vị	Chuyên ngành TN		
104.	Phạm Thị Hương	Thạc sỹ	Kinh tế	Giảng viên	Khoa Kinh tế tài nguyên và môi trường
105.	Phạm Thị Linh	Thạc sỹ	Kinh tế chính trị	Giảng viên	Khoa Lý luận chính trị
106.	Phan Thị Yến	Thạc sỹ	Kinh tế	Giảng viên	Khoa Kinh tế tài nguyên và môi trường
107.	Trần Nguyễn Thị Tâm Đan	Thạc sỹ	Luật học	Giảng viên	Khoa Lý luận chính trị
108.	Trương Thị Hường	Thạc sỹ	Toán học	Giảng viên	Khoa học Đại cương
109.	Vũ Ngọc Phan	Thạc sỹ	Bản đồ viễn thám và GIS	Giảng viên	Khoa Công nghệ thông tin
110.	Vũ Thị Thanh Thủy	Thạc sỹ	Hồ Chí Minh học	Giảng viên	Khoa Lý luận chính trị

3.8. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thực hành; 45÷90 giờ thực tập tại cơ sở; 45÷60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn; khoá luận tốt nghiệp (tương đương 1 tuần liên tục;

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển đổi sang thang điểm chữ theo quy định;

- Lớp học được tổ chức theo từng học phần dựa vào đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở từng học kỳ. Nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và sinh viên phải đăng ký chuyển sang học những học phần khác có lớp (nếu chưa đảm bảo đủ quy định về khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ);

- Khối lượng học tập tối thiểu của mỗi sinh viên (trừ các học phần giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng) trong mỗi học kỳ được quy định như sau: Khối lượng tối thiểu không ít hơn 2/3 khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn; Khối lượng tối đa không vượt quá 3/2 khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn. Việc đăng ký và tổ chức các lớp học phần sẽ học phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình đào tạo.

3.9. Chương trình trong và ngoài nước đã tham khảo để xây dựng chương trình

- Các chương trình đào tạo Đại học Quản lý đất đai trong nước bao gồm các trường có truyền thống đào tạo ngành Quản lý đất đai như:

- + Học viện Nông nghiệp Việt Nam
- + Đại học Nông lâm thành phố Hồ Chí Minh

- + Đại học Huế
- + Đại học Khoa học Tự nhiên – Đại học Quốc gia Hà Nội
- Các chương trình đào tạo Đại học Quản lý đất đai ngoài nước bao gồm các trường có nhiều đặc điểm tương đồng với Việt Nam trong công tác Quản lý đất đai như:
 - + Đại học Tổng hợp Quản lý đất đai Mát-xcơ-va (Liên Bang Nga)
 - + Đại học Auburn Phần Lan
 - + Đại học ZheJiang- Trung Quốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2021

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỞNG KHOA



Vũ Danh Tuyên

Phạm Anh Tuấn